

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

**ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ
TRỊ GIA TĂNG NHẪM GIẢI QUYẾT NHỮNG
SAI SÓT TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**

Chủ nhiệm đề tài: Trần Thị Nguyên - Lớp QT1204K

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ
TRỊ GIA TĂNG NHẪM GIẢI QUYẾT NHỮNG
SAI SÓT TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Chủ nhiệm đề tài : Trần Thị Nguyên - Lớp QT1204K
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Đồng Thị Nga**

HẢI PHÒNG - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tên em là: Trần Thị Nguyên

Sinh viên lớp: QT1204K

Khoa: Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Ngành: Kế toán – Kiểm toán.

Em xin cam đoan như sau :

1. Những số liệu, tài liệu trong báo cáo được thu thập một cách trung thực
2. Các kết quả của báo cáo chưa có ai nghiên cứu, công bố và chưa từng được áp dụng vào thực tế.

Vậy em xin cam đoan những nội dung trình bày trên chính xác và trung thực. Nếu có sai sót em xin chịu trách nhiệm trước Khoa quản trị kinh doanh và trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Hải phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2012

Người cam đoan

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN	
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)	4
1.1. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng	4
1.1.1. Khái niệm	4
1.1.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng	5
1.1.2.1. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá	5
1.1.2.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế.....	5
1.1.3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng	7
1.1.4. Các quy định về thuế giá trị gia tăng	7
1.1.4.1. Đối tượng nộp thuế GTGT.	7
1.1.4.2. Đối tượng chịu thuế GTGT.....	8
1.1.4.3. Đối tượng không chịu thuế GTGT.	8
1.1.5. Căn cứ và phương pháp tính thuế.	9
1.1.5.1. Giá tính thuế.....	9
1.1.5.2. Thời điểm xác định thuế GTGT như sau:	10
1.1.5.3. Thuế suất thuế giá trị gia tăng.....	10
1.1.5.3.1. Mức thuế suất 0%.....	10
1.1.5.3.2. Mức thuế suất 5%	11
1.1.5.3.3. Mức thuế suất 10%	12
1.1.6. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng.	12
1.1.6.1. Phương pháp khấu trừ thuế.	13
1.1.6.1.1. Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra.	13
1.1.6.1.2. Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.	13
1.1.6.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế	15
1.1.6.2. Phương pháp trực tiếp	15
1.1.7. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và hoàn thuế GTGT.....	16
1.1.7.1. Kê khai thuế.	16
1.1.7.2. Nộp thuế GTGT.	16
1.1.7.3. Quyết toán thuế.	18
1.1.7.4. Hoàn thuế.	18

1.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT).	19
1.2.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT.	19
1.2.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.	20
1.2.2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung:	20
1.2.2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT nói riêng:	21
1.2.3. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng.	22
1.2.3.1. Chứng từ kế toán.	22
1.2.3.2. Tài khoản kế toán.	23
1.2.3.3. Trình tự kế toán.	25
1.2.3.3.1 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.	25
1.2.3.3.2 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:	35
1.2.3.4. Hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.	36
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA	
TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á	38
2.1.1. Giới thiệu về công ty	38
2.1.1.1. Khát quát về công ty	38
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.	38
2.1.2 . Cơ cấu tổ chức của công ty.	40
2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức của công ty	40
2.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán của công ty.	41
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.	44
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán	45
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	45
2.2. Thực trạng tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.	45
2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng:	45
2.2.2. Phương pháp tính thuế.	46
2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT tại công ty	46
2.2.4. Hạch toán ban đầu kế toán thuế GTGT.	47
2.2.4.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào.	47
2.2.4.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra.	60
2.2.5. kê khai, khấu trừ và nộp thuế GTGT.	68

2.2.5.1. Kê khai thuế.	68
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.	87
3.1. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.	87
3.2. Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.	89
3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện, tổ chức công tác kế toán thuế GTGT.	89
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán	90
3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.	90
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ chữ T thuế GTGT được khấu trừ	23
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ chữ T thuế GTGT phải nộp cho nhà nước	25
Sơ đồ 1.3 : KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO	26
Sơ đồ 1.4. Kế toán thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hoá mua nội địa:	27
Sơ đồ 1.5. Kế toán thuế GTGT đầu vào của lao vụ, dịch vụ mua ngoài:	27
Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN	28
Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA HÀNG MUA TRẢ LẠI, ĐƯỢC GIẢM GIÁ HOẶC ĐƯỢC CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI	28
Sơ đồ 1.8: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA.....	29
Sơ đồ 1.9: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT Ở KHÂU SỬ DỤNG, KINH DOANH TRONG NƯỚC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.....	29
Sơ đồ 1.10: KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI	30
Sơ đồ 1.11. Chiết khấu thương mại	30
Sơ đồ 1.12: Giảm giá hàng bán:	31
Sơ đồ 1.13: KẾ TOÁN TỔNG HỢP THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.....	32
Sơ đồ 1.14: KẾ TOÁN GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC.....	33
Sơ đồ 1.15: KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NSNN (Tiếp)	34
Sơ đồ 1.16: HẠCH TOÁN THUẾ GTGT THEO PP TRỰC TIẾP	36
Sơ đồ 1.17 : Trình tự hạch toán kế toán thuế GTGT theo hình thức NKC	37
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Thương mại Đông Á	41
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	43
Sơ đồ 2.3 : Hệ thống kế toán theo hình thức Nhật ký chung	43
Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán thuế GTGT	47

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước:	39
Biểu 2.2 : Hóa đơn GTGT mua vào	49
Biểu 2.3: Phiếu Chi	50
Biểu 2.4 : SỔ NHẬT KÝ CHUNG TK 133	53
Biểu 2.5: SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 133.....	56
Biểu 2.6 : SỔ CÁI TK 133	58
Biểu 2.7: Hóa đơn GTGT bán ra	61
Biểu 2.8 : SỔ NHẬT KÝ CHUNG TK3331	63
Biểu 2.9: SỔ CHI TIẾT TK 3331	65
Biểu 2.10: SỔ CÁI TK 333	66
Biểu 3.1. Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn	92
Biểu 3.2. Biên bản hủy hóa đơn.	93
Biểu 3.3. Biên bản giảm giá hàng bán	96
Biểu 3.4. Hóa đơn GTGT	97

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các thầy cô trong bộ môn Quản trị kinh doanh đã giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập và hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học.

Em xin chân thành cảm ơn các ban lãnh đạo, các cô các chú trong phòng kế toán tài chính của công ty TNHH Thương Mại Đông Á đã giúp đỡ em trong suốt thời gian thực tập và nghiên cứu đề tài.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc tới Thạc sỹ Đồng Thị Nga – Người thầy đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Em xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè đã động viên giúp đỡ em trong suốt thời gian qua.

Do kiến thức còn hạn chế cả thời gian nghiên cứu của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn sinh viên để đề tài ngày càng được hoàn thiện hơn.

Hải phòng, tháng 06 năm 2012

Tác giả

Trần Thị Nguyên

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong xu thế hội nhập và phát triển ở khu vực cũng như trên thế giới, đất nước ta đã và đang từng bước củng cố, phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhất là trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO, thị trường trong nước được mở cửa, tạo cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam phát triển nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước. Với bất cứ một doanh nghiệp nào để tạo dựng được uy tín và phát triển bền vững đòi hỏi nhà quản lý doanh nghiệp phải nhận thức được rõ vai trò của những thông tin kinh tế, tài chính. Các thông tin này được kế toán thu thập và tổng hợp, qua đó giúp cho nhà quản trị hiểu rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp, chính sách phát triển kinh tế của nhà nước... để từ đó đưa ra những quyết định đầu tư kinh doanh phù hợp. Các thông tin kế toán có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp, vì vậy việc tổ chức công tác kế toán hoàn chỉnh mang lại hiệu quả cao là việc rất cần thiết đối với bất cứ một doanh nghiệp nào.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức thuế và kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp. Trên thực tế, quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp và ngân sách nhà nước chủ yếu thông qua hoạt động : doanh nghiệp nộp thuế và các loại lệ phí cho NSNN. Thuế là nguồn thu quan trọng của ngân sách nhà nước. Trong đó hàng năm nguồn thu từ khoản thuế GTGT chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng ngân sách nhà nước. Chính vì vậy việc giải quyết được công tác kế toán thuế GTGT tại các doanh nghiệp là một mối quan tâm cho cả doanh nghiệp và cơ quan thuế. Thực tế công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á vẫn còn một số mặt hạn chế và chưa được quan tâm một cách đúng mức với vị trí quan trọng vốn có của nó. Xuất phát từ thực tiễn đó việc nghiên cứu công tác kế toán thuế GTGT có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp và cơ quan thuế nói chung và với công ty TNHH TM Đông Á nói riêng. Thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách Nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện

nghĩa vụ đối với Nhà nước, tránh được tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn tới tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước.

Nhận thức đầy đủ và đúng đắn vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức kế toán thuế GTGT. Sau một thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Đông Á và kết hợp với những kiến thức đã được học, em đã chọn đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á**" cho đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức công tác kế toán thuế giá trị gia tăng.
- Mô tả thực trạng tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á
- Đề xuất một số kiến nghị nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

* *Đối tượng nghiên cứu:* Kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

* *Phạm vi nghiên cứu:*

- Về không gian: đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Á.
- Về thời gian: đề tài được thực hiện từ ngày 10/04/2012 đến ngày 20/06/2012
- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán. (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối).

- Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia.
- Phương pháp điều tra.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu.

5. Kết cấu của đề tài.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài bao gồm 3 chương chính :

Chương I : Lý luận chung về thuế GTGT và kế toán thuế GTGT.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương mại Đông Á.

Chương III : Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương mại Đông Á.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

1.1. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng .

1.1.1. Khái niệm.

*** Khái niệm GTGT:**

GTGT là giá trị tăng thêm của một sản phẩm, hàng hoá dịch vụ do cơ sở sản xuất, chế biến, thương mại hoặc dịch vụ (gọi chung là cơ sở kinh doanh) tác động vào nguyên vật liệu thô hay hàng hoá, dịch vụ mua vào làm cho giá trị của chúng tăng thêm. Nói cách khác, đây là số chênh lệch giữa giá đầu ra và giá đầu vào do cơ sở kinh doanh tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hay đó là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phát triển trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Đối với một số ngành nghề kinh doanh, GTGT được xác định như sau:

- Đối với ngành xây dựng là tiền thu thù lao xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ chi phí về vật tư, động lực... và các chi phí khác để phục vụ cho xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình đó.

- Đối với kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa các khoản thu về tiêu thụ và các khoản thu khác trừ tiền mua hàng hoá, chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa các khoản thu về tiêu thụ trừ chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

$$\text{Giá trị gia tăng} = \text{Giá đầu ra} - \text{Giá đầu vào}$$

*** Khái niệm Thuế GTGT:**

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì **thuế giá trị gia tăng** là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

1.1.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng.

1.1.2.1. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá.

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần dịch chuyển từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hoá chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế Nhà nước thu được cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lý, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hoá. Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là Nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu. Nếu như không có các sự kiện biến động về tài chính, tiền tệ; sản xuất và lưu thông giảm sút, yếu kém, kinh tế suy thoái và các nguyên nhân khác tác động lên thì việc áp dụng thuế giá trị gia tăng thay thế cho thuế doanh thu sẽ không ảnh hưởng gì đến giá cả sản phẩm tiêu dùng, mà trái lại giá cả càng hợp lý hơn, chính xác hơn vì tránh được thuế chồng lên thuế.

Theo nghiên cứu và thống kê của Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) thì phần lớn các nước trong đó có Việt Nam sau khi áp dụng thuế giá trị gia tăng, giá cả các loại hàng hoá dịch vụ đều không thay đổi hay chỉ thay đổi với một tỷ lệ không đáng kể và mức sản xuất của các doanh nghiệp, mức tiêu dùng của dân chúng không sút giảm, hay chỉ sút giảm một tỷ lệ nhỏ trong thời gian đầu, kể cả các trường hợp tăng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng trong định kỳ điều chỉnh. Như vậy ta có thể kết luận rằng thuế giá trị gia tăng không phải là một nhân tố gây ra lạm phát, gây khó khăn trở ngại cho việc phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá mà trái lại việc áp dụng thuế giá trị gia tăng góp phần ổn định giá cả, mở rộng lưu thông hàng hoá, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu.

1.1.2.2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế.

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò

rất quan trọng và được thể hiện như sau :

-Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho Ngân sách Nhà nước.

- Thuế tính trên giá bán hàng hóa hoặc dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.

- Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.

- Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao.

- Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng.

- Nâng cao tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế.

- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ; việc tính thuế đầu ra được khấu trừ số thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.

- Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu ... góp phần làm cho hệ thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng còn là công cụ để thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiến bộ nhất và cũng là sắc thuế thông minh nhất trong các sắc thuế hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho Ngân sách Nhà nước, đơn giản, trung lập.

1.1.3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng .

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác, cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được quy định như sau :

Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu thuế như nhau.

- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng (dịch vụ) lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng (cung ứng dịch vụ). Còn người bán hàng (dịch vụ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá (dịch vụ) đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm.
- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.
- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng. Vì qua từng công đoạn, thuế giá trị gia tăng đã được người bán đưa vào giá hàng hoá, dịch vụ; cho nên thuế này được chuyển toàn bộ cho người mua hàng hoá hoặc người sử dụng dịch vụ cuối cùng chịu.

1.1.4. Các quy định về thuế giá trị gia tăng .

1.1.4.1. Đối tượng nộp thuế GTGT.

Là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tại Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT.

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ bao gồm:

- Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp Nhà Nước và Luật Hợp tác xã.
- Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ

chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhập khẩu.

1.1.4.2. Đối tượng chịu thuế GTGT.

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

1.1.4.3. Đối tượng không chịu thuế GTGT.

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm các nhóm sau :

Nhóm 1 : Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng.

Ví dụ : Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

Nhóm 2 : Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.

Ví dụ : Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học- kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.

Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.

Nhóm 3 : Đối tượng nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Ví dụ : Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê. Chuyển quyền sử dụng đất.

Nhóm 4 : Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

Ví dụ : Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

1.1.5. Căn cứ và phương pháp tính thuế.

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

1.1.5.1. Giá tính thuế.

Giá tính thuế là một căn cứ quan trọng để xác định số thuế GTGT phải nộp. Giá tính thuế GTGT là giá bán chưa có thuế GTGT được ghi trên hoá đơn bán hàng của người bán hàng, người cung cấp dịch vụ hoặc người nhập khẩu. Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

- Đối với HHDV do CS SXKD bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

- Đối với HH nhập khẩu:

Giá tính thuế = giá NK + thuế NK + thuế TTĐB (nếu có)

- Đối với HHDV chịu thuế TTĐB:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT + thuế TTĐB

- Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:

Giá tính thuế = giá bán trả 1 lần chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

- Đối với DV đại lý tàu biển, môi giới, ủy thác XNK và Dịch vụ khác

hưởng tiền công, hoa hồng :

Giá tính thuế = giá tiền công (hoa hồng) được hưởng chưa có VAT

- Đối với HHDV dùng để trao đổi biểu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

- Đối với DV cho thuê tài sản:

Giá tính thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

● Đối với HHDV cơ sở KD xuất để tiêu dùng, không phục vụ SXKD hoặc dùng SXKD HHDV không chịu VAT:

Giá tính thuế = giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

- Đối với hoạt động in

Giá tính thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Giá tính thuế = giá bán – tiền sử dụng đất

- Đối với DV du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

Giá tính thuế = (giá trọn gói – chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) / (1 + thuế suất)

- Đối với các HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù:

Giá tính thuế = giá bán / (1 + thuế suất)

1.1.5.2. Thời điểm xác định thuế GTGT như sau:

- Đối với bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi trên hoá đơn tính tiền.

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

1.1.5.3. Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được áp dụng như sau:

1.1.5.3.1. Mức thuế suất 0%.

Áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình của doanh nghiệp chế xuất; hàng bán cho cửa hàng bán hàng miễn thuế; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% :

- Hàng hoá xuất khẩu, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho

sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (Dịch vụ vận chuyển đưa đón cán bộ công nhân viên, cung cấp xuất ăn cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp chế xuất...)

- Vận tải quốc tế.

1.1.5.3.2. Mức thuế suất 5%

Áp dụng đối với HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng.

1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%.

2. Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại.

6. Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá .

7. Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng.

8. Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường: gồm rỉ đường, bã mía, bã bùn.

9. Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bè, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp.

10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

11. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ ...

12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng

dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

14. Đồ chơi cho trẻ em; Sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.

15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet.

1.1.5.3.3. Mức thuế suất 10%

Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa dịch vụ thông thường còn lại như: Dầu mỏ, khí đốt, quặng; điện thương phẩm; xây dựng lắp đặt; sản phẩm điện tử; sản phẩm hóa chất; sợi vải sản phẩm may mặc, thêu ren; giấy; sữa, bánh kẹo, nước giải khát; sản phẩm gốm sứ thủy tinh; dịch vụ tư vấn pháp luật và các dịch vụ tư vấn khác; khách sạn, dịch vụ, ăn uống....

Các mức thuế suất thuế GTGT nêu trên đây được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

Ví dụ : Hàng may mặc áp dụng thuế suất là 10% thì mặt hàng này ở khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại đều áp dụng thuế suất 10%.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

1.1.6. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

Đối tượng áp dụng và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

1.1.6.1. Phương pháp khấu trừ thuế.

* Đối tượng áp dụng:

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

* Công thức xác định thuế GTGT phải nộp :

$$\begin{array}{ccc} \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT đầu vào} \\ \text{phải nộp} & = & \text{đầu ra} & - & \text{được khấu trừ} \end{array}$$

-Thuế đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.

-Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

1.1.6.1.1. Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền người mua phải thanh toán

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất mà CSKD bán HHDV chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định

1.1.6.1.2. Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia

tăng => chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn ... nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi **hoá đơn GTGT không đúng quy định** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau :

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .

- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào :

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = Doanh thu chịu thuế GTGT / Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ

⇒ Số thuế GTGT = Tổng số thuế GTGT x Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT

1.1.6.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế :

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

1.1.6.2. Phương pháp trực tiếp .

* Đối tượng áp dụng:

Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT chỉ áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

*Xác định thuế GTGT phải nộp :

Công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị gia tăng của hàng} \\ \text{hoá, dịch vụ chịu thuế} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế GTGT} \\ \text{của hàng hoá, dịch vụ} \\ \text{đó} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{GTGT của hàng hóa} \\ \text{dịch vụ chịu thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu của hàng hóa,} \\ \text{dịch vụ bán ra} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn của hàng} \\ \text{hoá dịch vụ bán ra} \end{array}$$

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

a) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

1.1.7. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và hoàn thuế GTGT.

1.1.7.1. Kê khai thuế.

- Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định .

- Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyên phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

1.1.7.2. Nộp thuế GTGT.

* Về thời hạn nộp thuế:

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo

của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 20 của tháng tiếp theo.

Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn qui định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

Riêng cơ sở kinh doanh và người nhập khẩu hàng hoá phải nộp thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu..

* Về số thuế phải nộp:

Căn cứ vào số thuế trong thông báo nộp thuế của cơ quan thuế. Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu kỳ này cơ sở kinh doanh nộp thừa thì số thuế nộp thừa đó được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu kỳ trước nộp thiếu thì phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào kỳ tiếp theo. Riêng đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra trong tháng, thì số thuế lớn hơn được trừ tiếp vào tháng tiếp theo :

* Về địa điểm nộp thuế:

Cơ sở có thể trực tiếp nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước (tại kho bạc nhà nước), hoặc trích tiền gửi ngân hàng (nếu cơ sở đó có) để nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với các cá nhân kinh doanh (trừ đối tượng nộp thuế theo kê khai) ở xa kho bạc, luôn di động... thì cơ quan thuế tổ chức thu trực tiếp và nộp vào ngân sách nhà nước (chậm nhất không quá 3 ngày kể từ ngày thu được tiền thiếu, riêng đối với vùng núi, hải đảo là 6 ngày).

Thời điểm nộp thuế được tính từ thời điểm nộp thuế tại kho bạc, hoặc được tính từ ngày ngân hàng trích chuyển tiền gửi của cơ sở kinh doanh vào ngân sách nhà nước.

* Về đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế :

Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế GTGT vào ngân sách nhà nước. Nếu đối tượng nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải qui đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỉ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ, để xác định số thuế GTGT phải nộp.

Nếu đã tới thời hạn nộp thuế mà cơ sở chưa nhận được thông báo nộp thuế thì căn cứ vào số thuế phải nộp theo kê khai, cơ sở chủ động nộp thuế vào ngân sách

nhà nước .

1.1.7.3. Quyết toán thuế.

Sau khi kết thúc năm dương lịch, các đối tượng nộp thuế đều phải quyết toán thuế với cơ quan thuế, thời gian chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày 30-12 của năm quyết toán thuế.

Nội dung quyết toán thuế là phải xác định số thuế GTGT phải nộp ; số thuế GTGT được khấu trừ, không được khấu trừ , còn được khấu trừ; số thuế GTGT được hoàn lại ; số thuế GTGT được giảm số thuế GTGT nộp thiếu số thuế GTGT nộp thừa.

Nơi nộp thuế quyết toán là cơ quan thuế địa phương nơi cơ sở đăng kí nộp thuế.

Dựa vào quyết toán thuế, cơ sở có trách nhiệm nộp số thuế GTGT còn thiếu vào ngân sách nhà nước (thời gian chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán). Nếu còn thừa thì được trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn thuế nếu cơ sở được hoàn thuế.

Nếu cơ sở kinh doanh có sát nhập , giải thể, chia tách , phá sản... thì cơ sở đó cũng phải quyết toán thuế với cơ quan thuế chậm nhất không quá 45 ngày kể từ ngày có quyết định sát nhập , giải thể, chia tách , phá sản.

Kê khai đầy đủ ,đúng các chỉ tiêu và số liệu theo mẫu quyết toán thuế là trách nhiệm trước pháp luật của các đối tượng nộp thuế.

1.1.7.4. Hoàn thuế.

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

- Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.

b. Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra

để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách ...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế .

d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

e. Tổ chức cá nhân ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá dịch vụ tại Việt Nam.

1.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT).

1.2.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT.

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà Nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: Đây là số tiền mà Nhà Nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở trên, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút Ngân sách. Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: Đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

1.2.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.

1.2.2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung:

a» Trách nhiệm :

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất (nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào (sử dụng đèn cực tím) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn thế để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng thất thoát.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công

ty để cơ sở biệt thực hiện.

- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn (mở sổ giao và ký nhận).
- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

b» Quyền hạn :

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.

- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
- Các công việc khác có liên quan đến thuế.

c» Mối liên hệ công tác :

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty : nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.

- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.

- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.

- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

1.2.2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT nói riêng:

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- Thứ ba: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai

thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có....để vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và qui định của Nhà Nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

1.2.3. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng.

1.2.3.1. Chứng từ kế toán.

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- Tờ khai thuế GTGT.
- Quyết toán thuế GTGT.
- ...

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

1.2.3.2. Tài khoản kế toán.

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp” kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

a. Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

* **Nội dung** : Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ chữ T thuế GTGT được khấu trừ

TK 133	
SDĐK : số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của kì trước	
SFS tăng : số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kì	SFS giảm : số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kì - Khấu trừ Thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT
SDCK : - Số thuế GTGT còn được khấu trừ đến cuối kì - Số thuế GTGT được hoàn lại nhưng chưa được hoàn trả	

TK 133 có 2 TK cấp II:

- TK 1331-Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

***Nguyên tắc hạch toán:**

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trường hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK1421 “chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

b. Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

* **Nội dung:** Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ chữ T thuế GTGT phải nộp cho nhà nước

TK 3331

	SDDK: Số thuế GTGT phải nộp của kì trước
SFS giảm: Số thuế GTGT được khấu trừ - Thuế GTGT được miễn giảm - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN	SFS tăng : Số thuế GTGT phải nộp tăng trong kỳ
SDCK: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN	SDCK: Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ

TK 3331 có 2 TK cấp III:

- TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

*** Nguyên tắc hạch toán:**

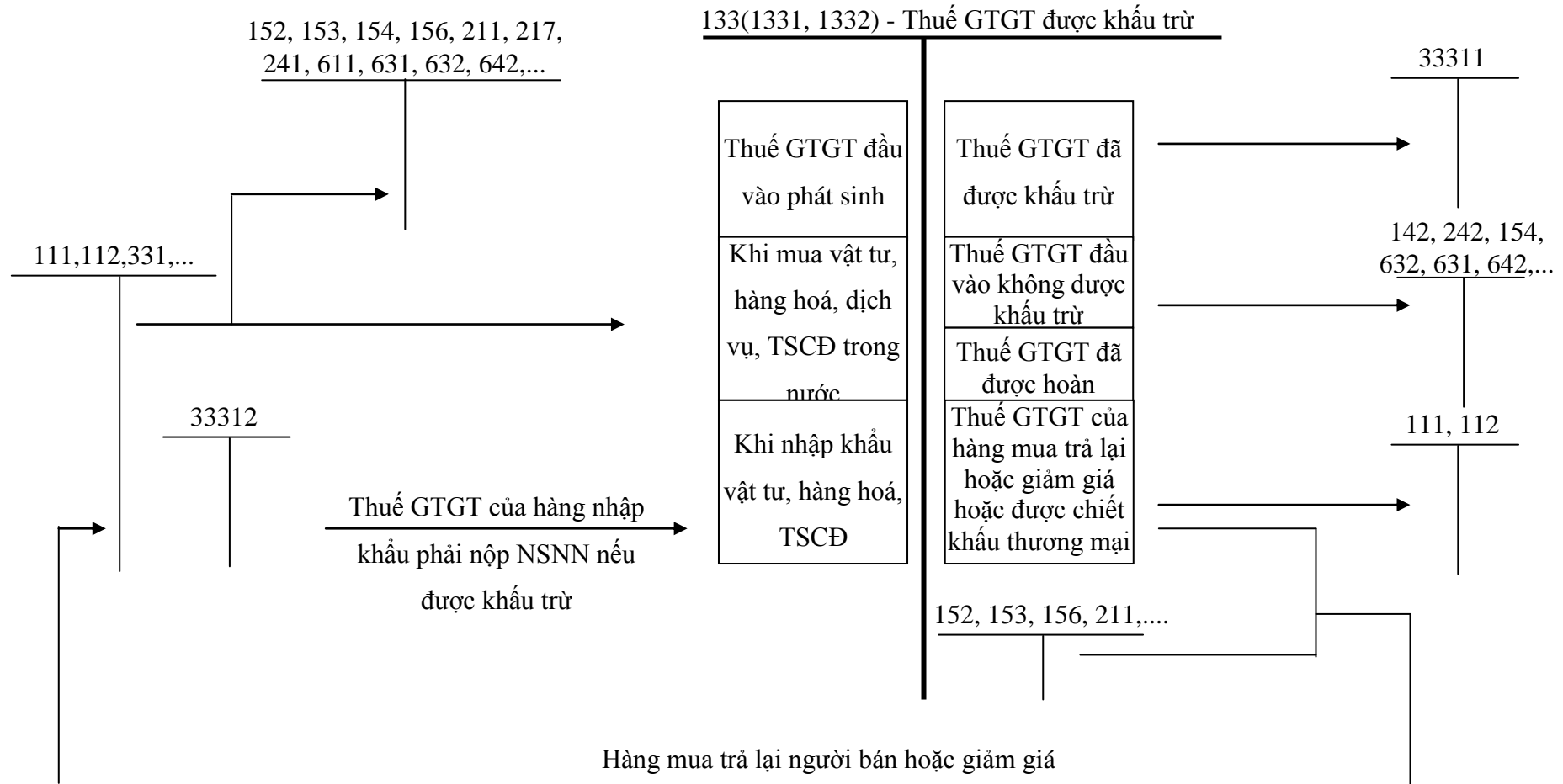
Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian qui định theo thông báo của cơ quan thuế.

1.2.3.3. Trình tự kế toán.

1.2.3.3.1 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

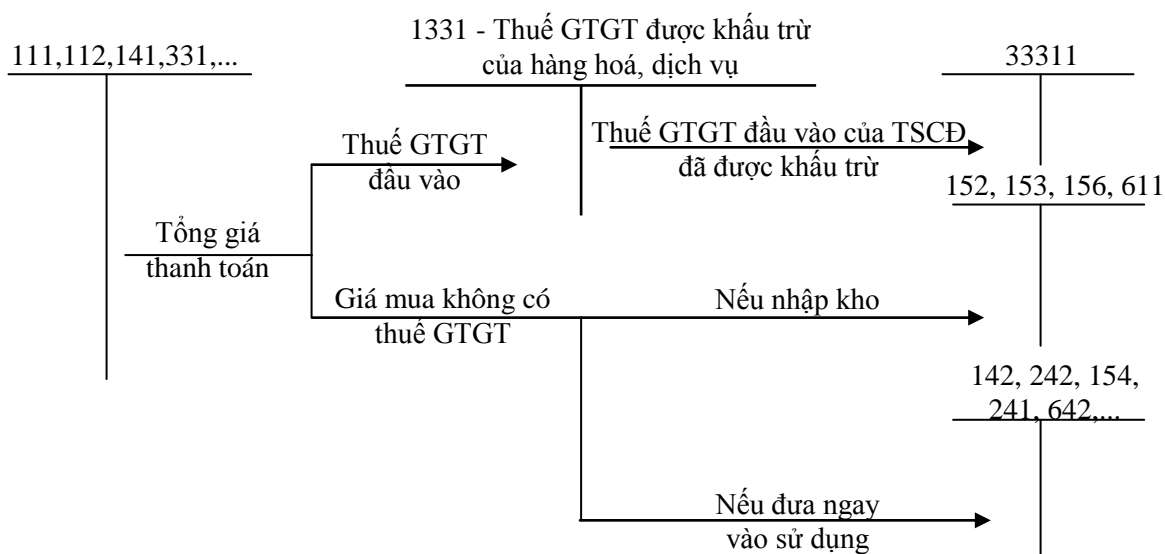
Kế toán thuế GTGT đầu vào:

Sơ đồ 1.3 : KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO

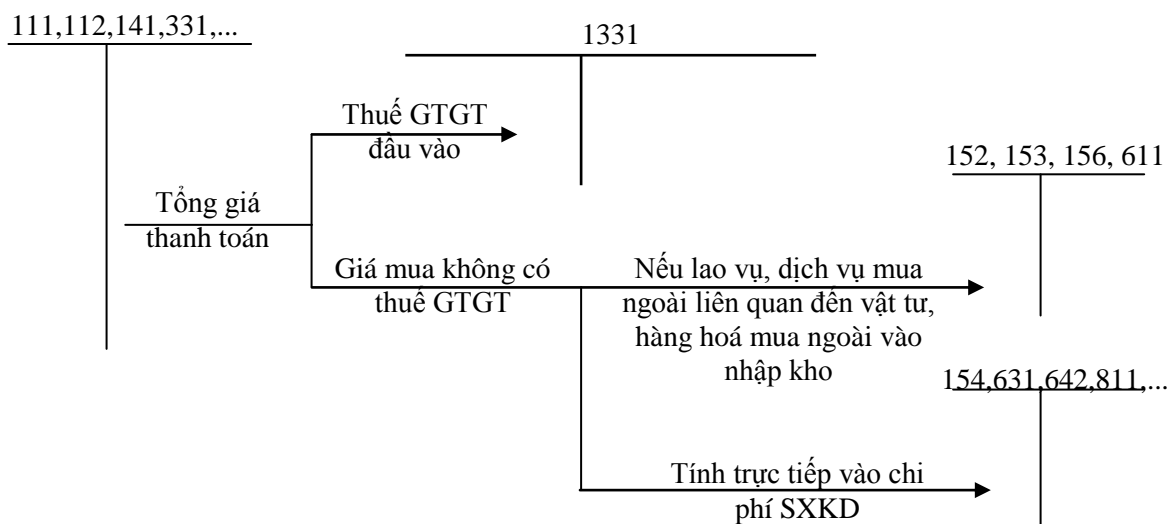


KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO

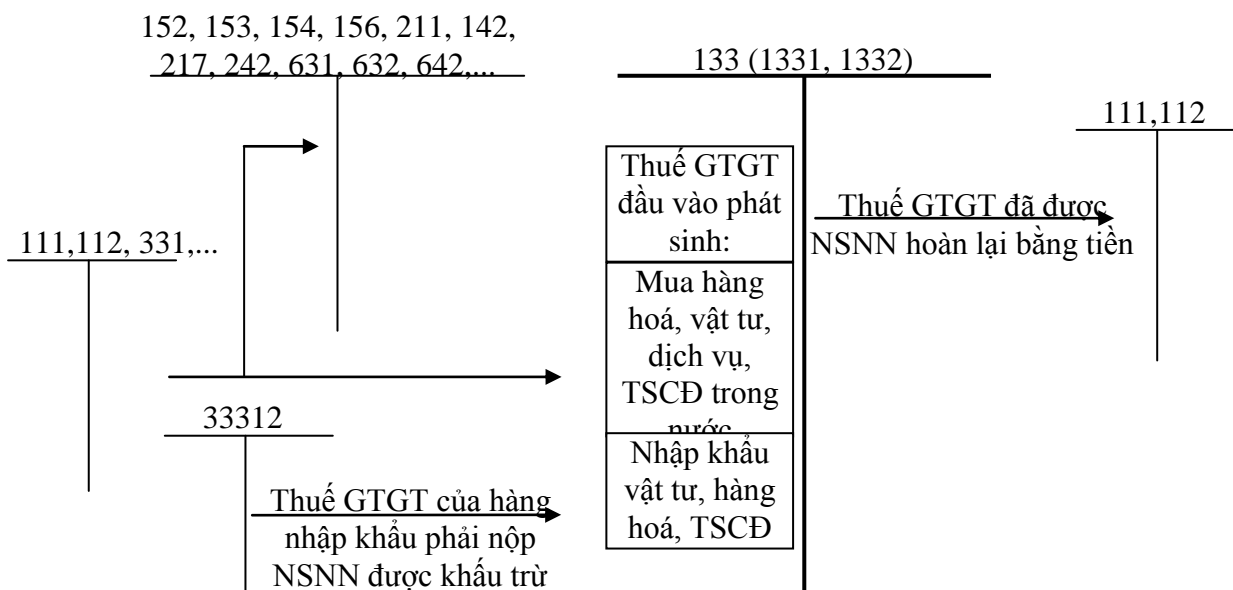
Sơ đồ 1.4. Kế toán thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hoá mua nội địa:



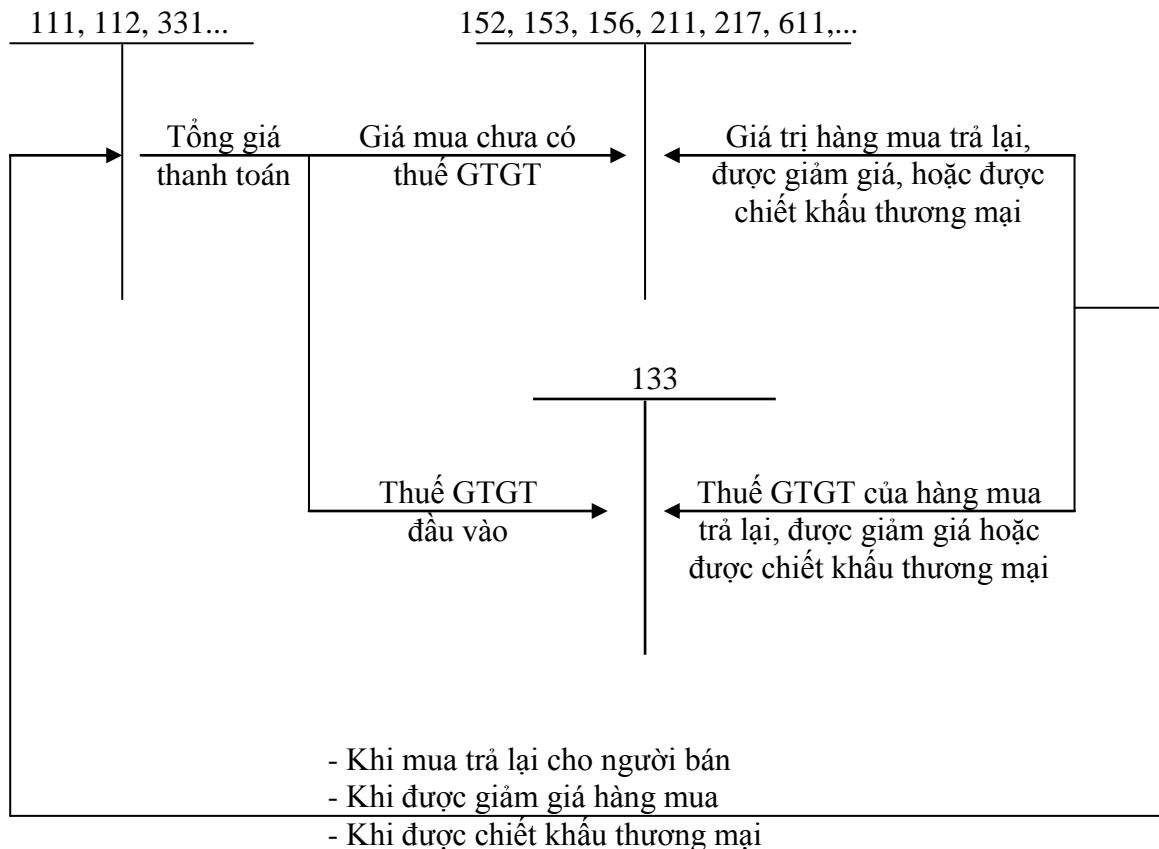
Sơ đồ 1.5. Kế toán thuế GTGT đầu vào của lao vụ, dịch vụ mua ngoài:



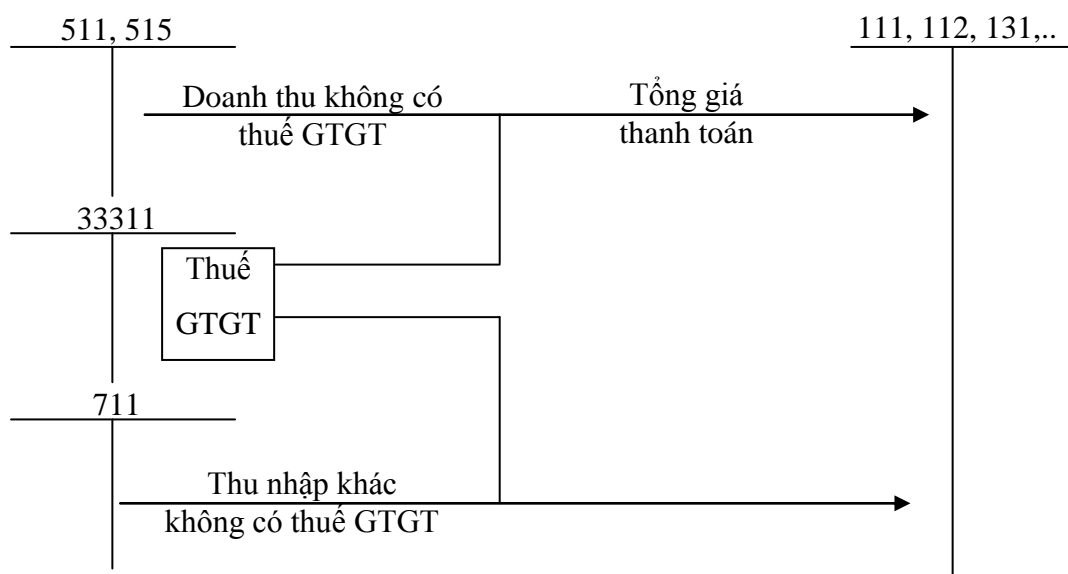
Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN



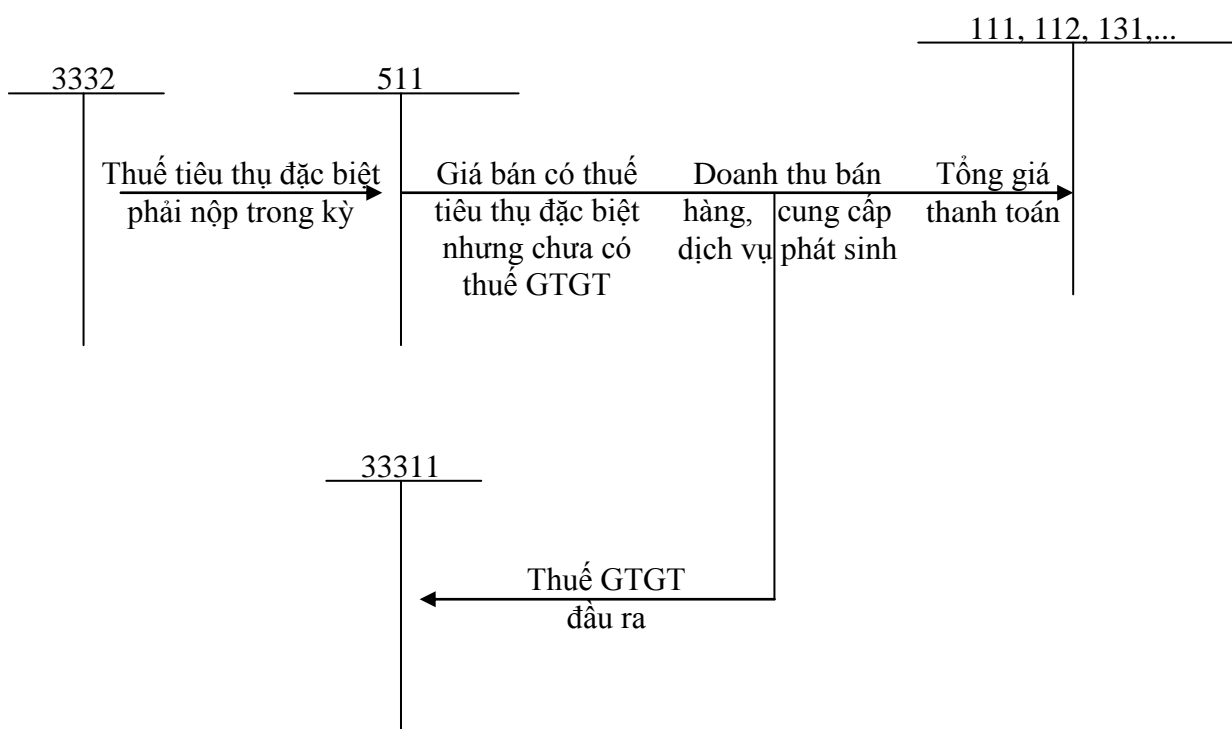
Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA HÀNG MUA TRẢ LẠI, ĐƯỢC GIẢM GIÁ HOẶC ĐƯỢC CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI



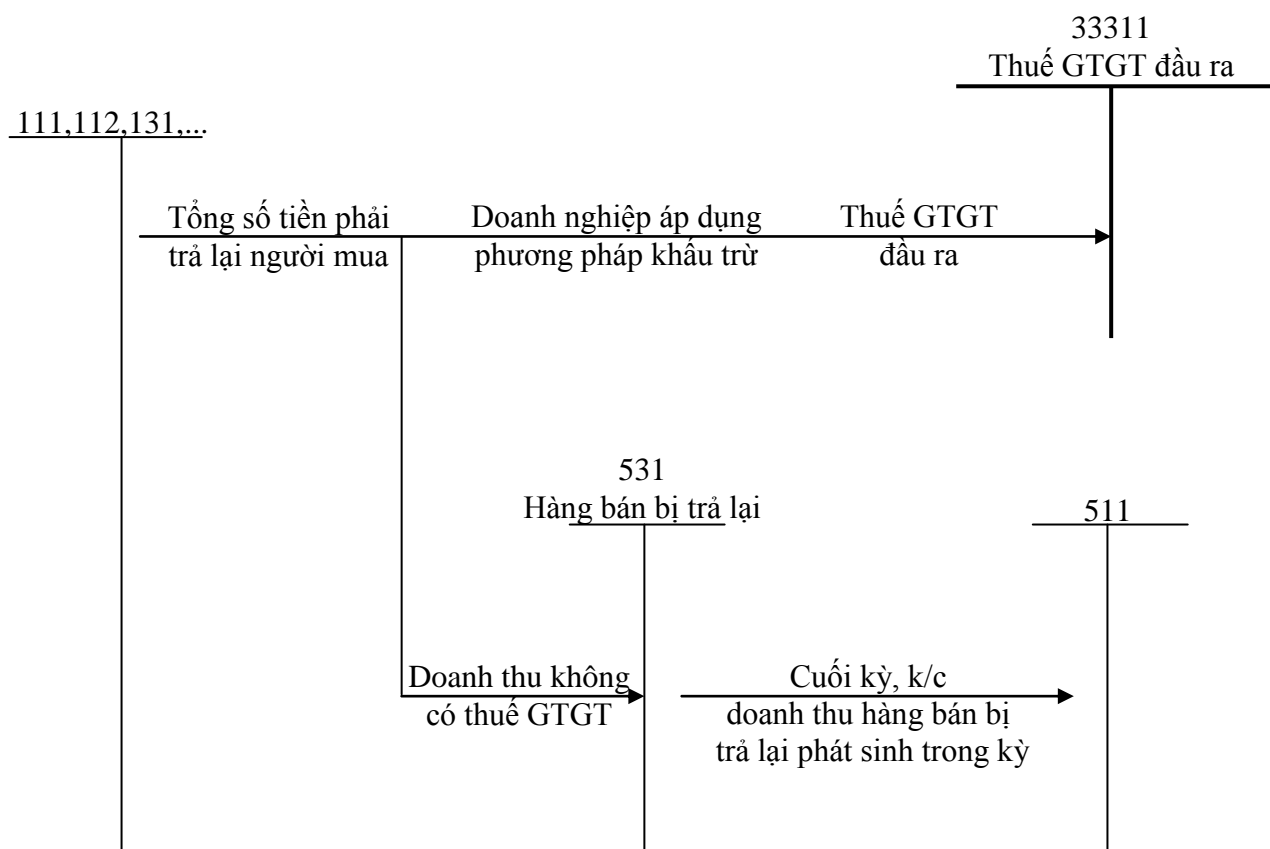
Sơ đồ 1.8: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA
(Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.9: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT Ở KHÂU SỬ DỤNG, KINH DOANH TRONG NƯỚC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Đơn vị áp dụng phương pháp khấu trừ)

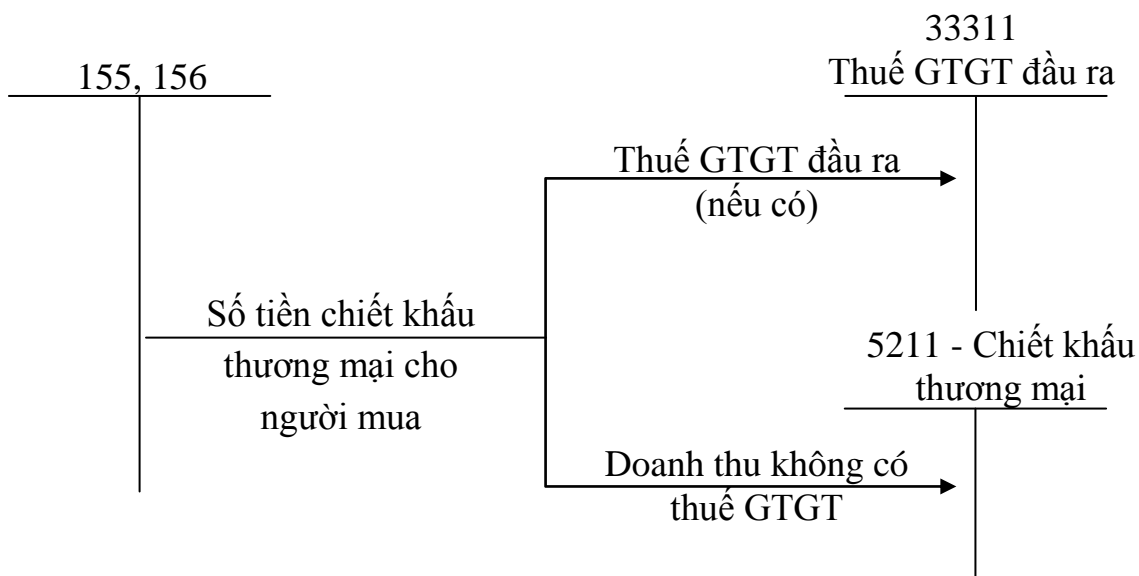


**Sơ đồ 1.10: KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI
(Đơn vị áp dụng phương pháp khấu trừ)**

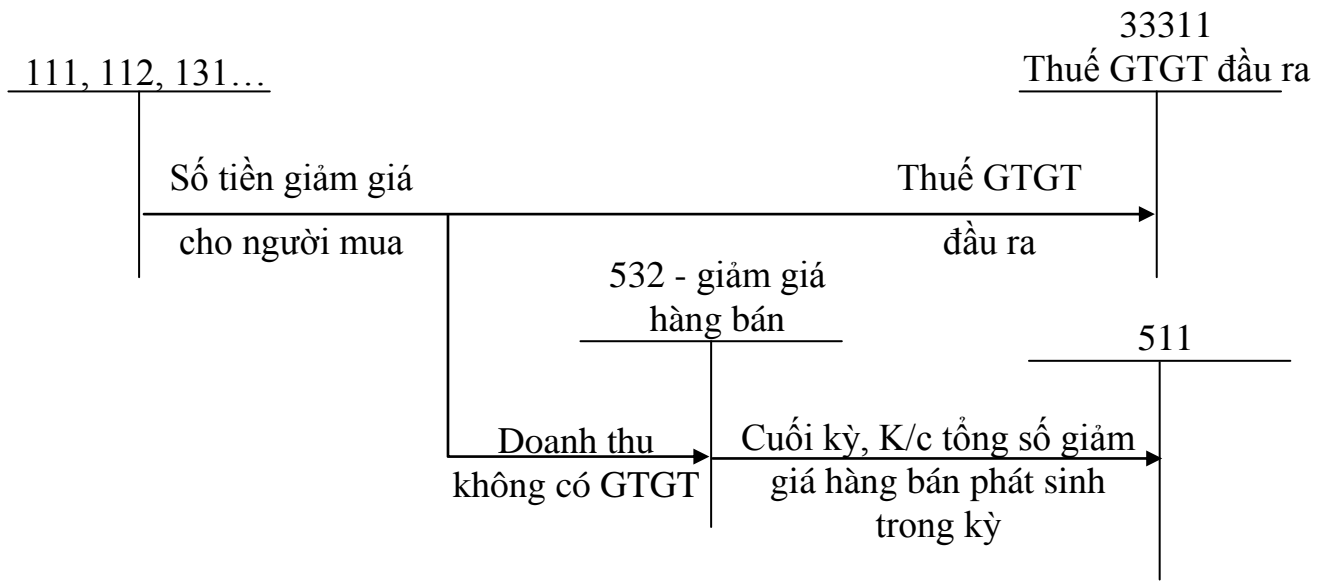


**KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI VÀ GIẢM GIÁ HÀNG BÁN
(Đơn vị áp dụng phương pháp khấu trừ)**

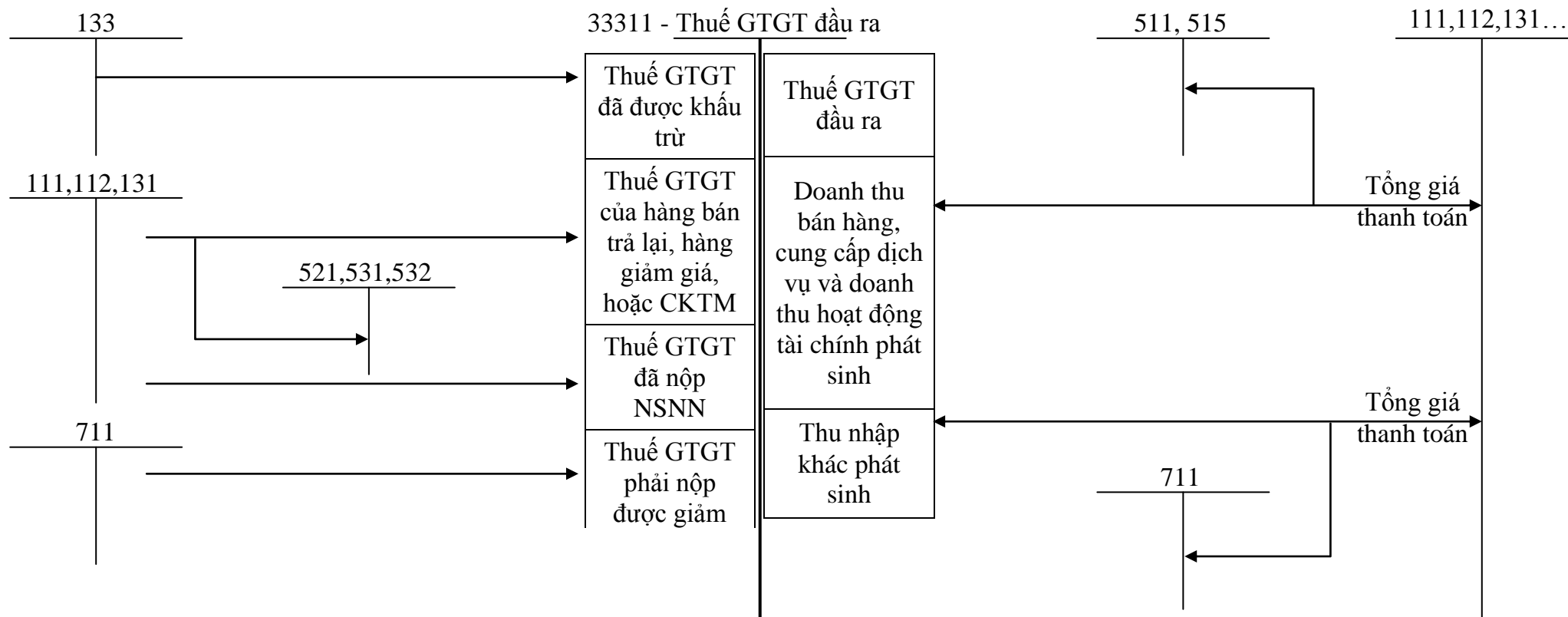
Sơ đồ 1.11. Chiết khấu thương mại



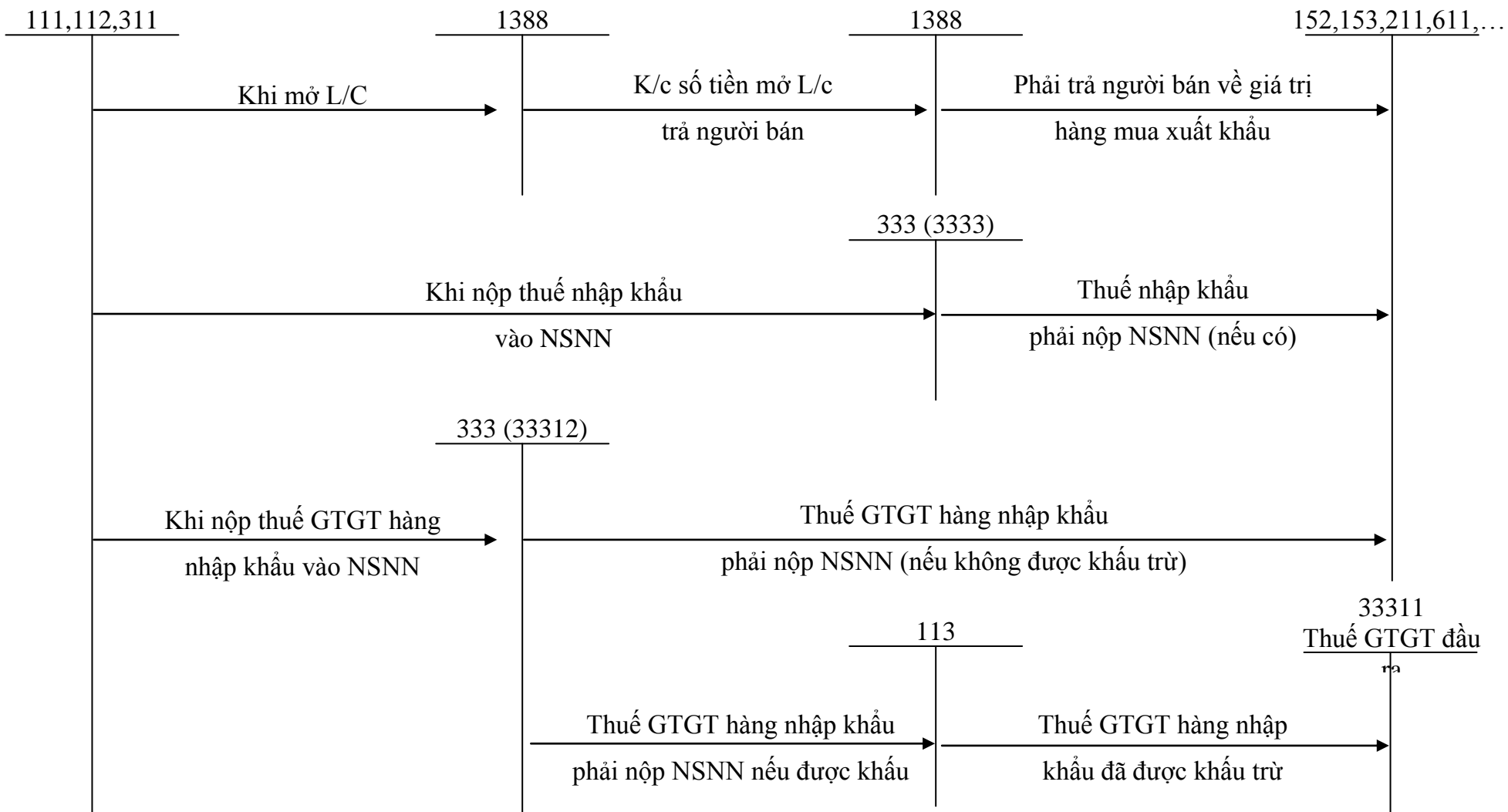
Sơ đồ 1.12: Giảm giá hàng bán:



Sơ đồ 1.13: KẾ TOÁN TỔNG HỢP THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

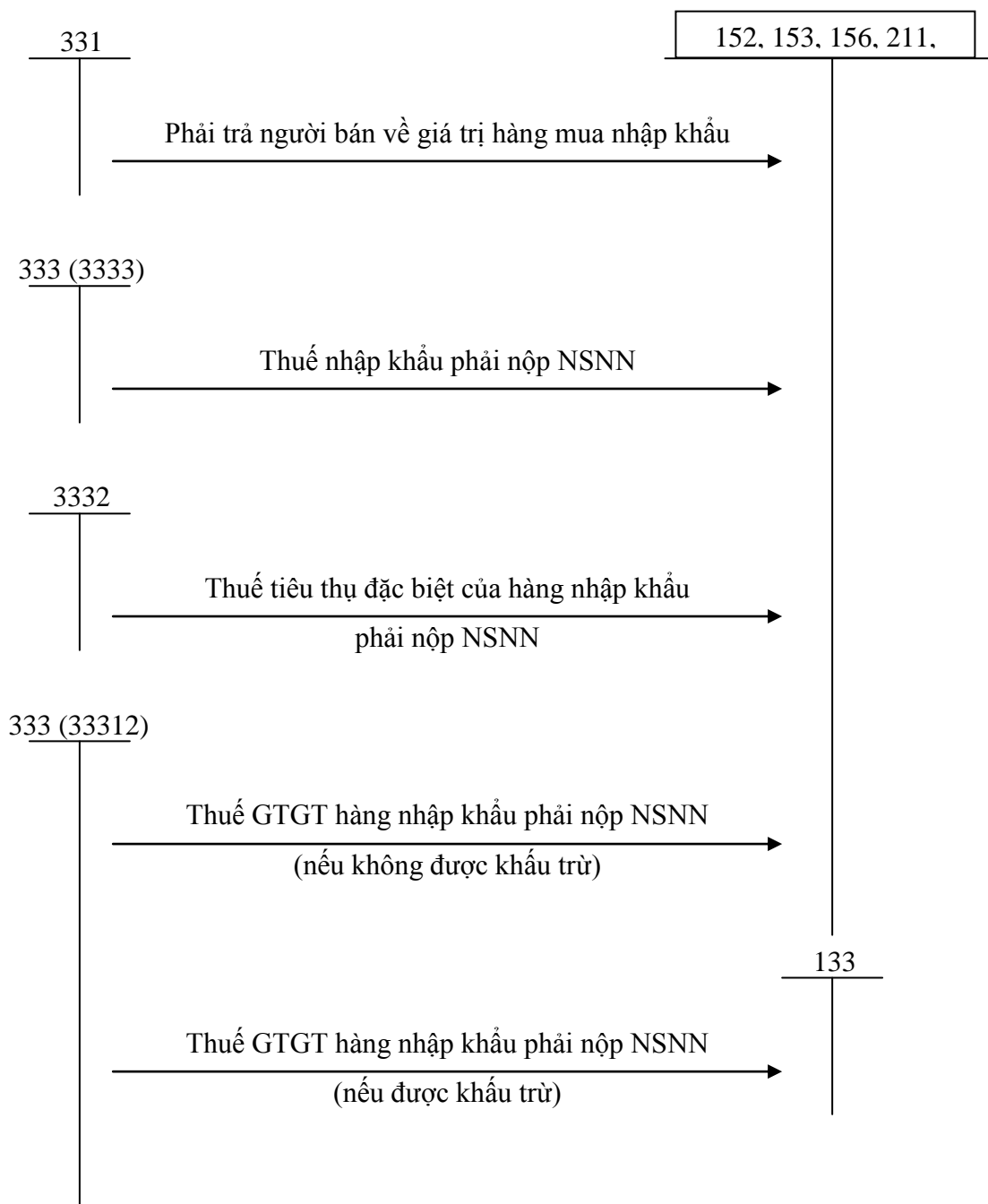


Sơ đồ 1.14: KẾ TOÁN GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



Sơ đồ 1.15: KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NSNN
(Tiếp)

2. Đối với hàng nhập khẩu thuộc đối tượng đồng thời chịu 3 loại thuế: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT:



1.2.3.3.2 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

- Cuối kỳ sau khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán ghi:

Nợ 511 : Số thuế GTGT phải nộp

Có 33311 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

- Khi nhập khẩu vật tư, hàng hóa, TSCĐ... kế toán ghi:

Nợ 152, 153, 156, 211...Giá thực tế của vật tư, hàng hóa, TSCĐ.

Có 3333 : Thuế nhập khẩu phải nộp.

Có 33312 : Thuế GTGT phải nộp.

- Nếu được giảm thuế GTGT phải nộp, kế toán ghi:

Nợ 3331 : Số thuế được giảm trừ vào thuế phải nộp trong năm. Nợ

111, 112 : Số tiền thuế được trả lại.

Có 711 : Tổng số thuế được giảm.

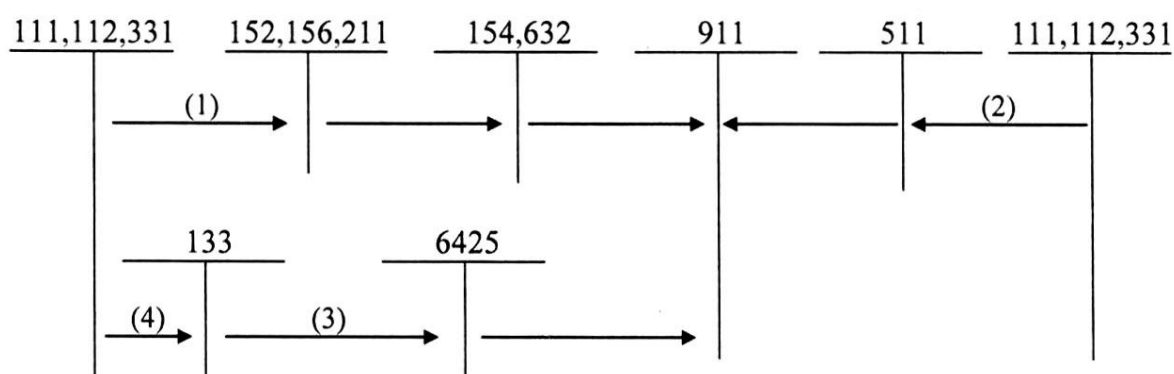
- Khi nộp thuế GTGT:

Nợ 333 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có 111, 112 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

Quá trình hạch toán có thể được khái quát như sau:

Sơ đồ 1.16: HẠCH TOÁN THUẾ GTGT THEO PP TRỰC TIẾP



Giải thích:

- (1) Giá trị vật tư, hàng hoá thực tế nhập kho có thuế GTGT đầu vào
- (2) Doanh thu bán hàng, dịch vụ có thuế GTGT phải nộp
- (3) Thuế GTGT phải nộp NSNN
- (4) Nộp thuế GTGT vào NSNN

1.2.3.4. Hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp.

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế giá trị gia tăng cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:

Hình thức kế toán Nhật ký chung

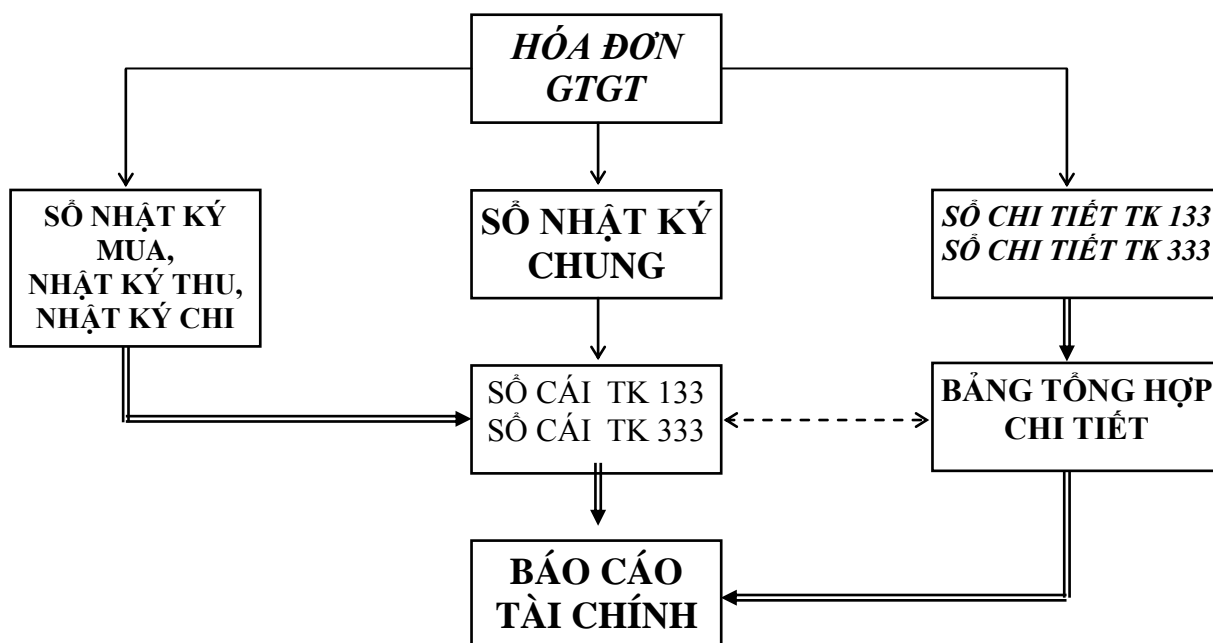
**Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung*

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái

Sơ đồ 1.17 : Trình tự hạch toán kế toán thuế GTGT theo hình thức NKC



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Tùy theo quy mô của từng doanh nghiệp cũng như tính phức tạp trong công tác kế toán, doanh nghiệp có thể mở thêm các sổ chi tiết liên quan đến kế toán thuế GTGT như sổ chi tiết theo dõi thuế đầu vào, sổ chi tiết theo dõi thuế đầu ra, sổ theo dõi thuế GTGT phải nộp, được khấu trừ... Tuy nhiên phải đảm bảo sự thống nhất và hợp lý trong công tác tổ chức sổ kế toán để nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức bộ máy kế toán và để công việc hạch toán kế toán thực sự là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập hiện nay.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á

2.1.1. Giới thiệu về công ty

2.1.1.1. Khát quát về công ty

- Công ty TNHH thương mại Đông Á thành lập vào tháng 07 năm 2005.
- Tên công ty viết tiếng nước ngoài : DONG A TRADING COMPANY LIMITED.
- Tên công ty viết tắt : DONG A TRADICO.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 51A- Lương Khánh Thiện, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313.501268 / Fax : 0313.528859
- Mã số thuế : 0200639795 .
- Ngành nghề kinh doanh của công ty :+ Kinh doanh thiết bị , phụ tùng, thiết bị cơ điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, hàng kim khí, nhựa.
- + Kinh doanh buôn bán ô tô các loại.....
- Vốn điều lệ : 6.000.000.000 (sáu tỷ đồng Việt Nam).
- Qua 5 năm hoạt động công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, với lĩnh vực kinh doanh trên đã đem lại cho công ty nhiều lợi nhuận.

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Công ty TNHH thương mại Đông Á thời gian đầu đi vào hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã có doanh thu nhưng vì doanh thu không đủ bù đắp chi phí nên đã không có lợi nhuận, mà ngược lại lợi nhuận còn âm.
- Tuy nhiên từ năm 2007 trở về sau thì đã có lợi nhuận mà lợi nhuận còn tăng cao qua các năm tiếp theo. Điều này được thể hiện qua bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dưới đây:

Biểu 2.1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.268.936	189.000.820	259.481.900	390.500.900	1.923824.948
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.268.936	189.000.820	259.481.900	390.500.900	1.923.824.948
4. Giá vốn hàng bán	50.436.256	111.238.000	155.256.000	279.850.600	1.287.516.536
5. Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.832.680	77.762.820	104.225.900	110650300	636.308.580
6. Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	9.326.300	10.250.300	1.735.875
7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	15.900.000	5.600.000	25.754.222
8. Chi phí bán hàng	14.268.260	15.267.300	17.908.650	29.600.500	25.754.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.369.780	10.009.000	12.080.950	15.625.000	
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4194640	52.486.520	67.662.600	70.075.100	578.956.900
11. Thu nhập khác	-	-	15.800.000	25.680.000	33.333.333
12. Chi phí khác	-	-	5.950.000	10.260.300	-
13. Lợi nhuận khác	-	-	9.850.000	15.419.700	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.194.640	52.486.520	77.512.600	85.494.800	33.333.333
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.174.499	14.696.226	19.378.150	21.373.700	8.333.333
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.020.141	37.790.294	58.134.450	64.121.100	25.000.000

- Qua bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH TM Đông Á ta có thể thấy sự phát triển của công ty trong thời gian đầu còn chậm, do mới thành lập nên công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng, nên doanh thu thấp, mà chi phí bỏ ra thì lớn, vì vậy chưa tạo ra lợi nhuận. Nhưng các năm tiếp theo, công ty đã mở rộng quy mô, kinh doanh mặt hàng với khối lượng lớn, tạo ra doanh thu, đồng nghĩa với việc lợi nhuận cũng tăng theo, và đã tạo được uy tín trên thị trường về kinh doanh mặt hàng điều hòa không khí các loại.....

- Cho đến năm 2010, công ty bước sang lĩnh vực mua bán ô tô các loại với số lượng lớn, đem lại cho công ty lợi nhuận cao.

2.1.2 . Cơ cấu tổ chức của công ty.

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức của công ty .

- Về đặc điểm bộ máy quản lý, công ty TNHH Thương mại Đông Á có bộ máy quản lý gián tiếp được sắp xếp phù hợp với khả năng và có thể kiêm nhiệm nhiều việc.

Công ty thực hiện tổ chức quản lý theo chế độ 1 thủ trưởng

+ Đứng đầu là giám đốc công ty, người có quyền lãnh đạo cao nhất, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh; giúp việc cho giám đốc trong việc quản lý có 1 phó giám đốc (Phó giám đốc phụ trách kinh doanh)

+ Ban quản lý kinh doanh của công ty bao gồm 3 phòng chính với chức năng và nhiệm vụ khác nhau.

. Phòng kinh doanh

. Phòng kế toán

. Phòng bảo vệ

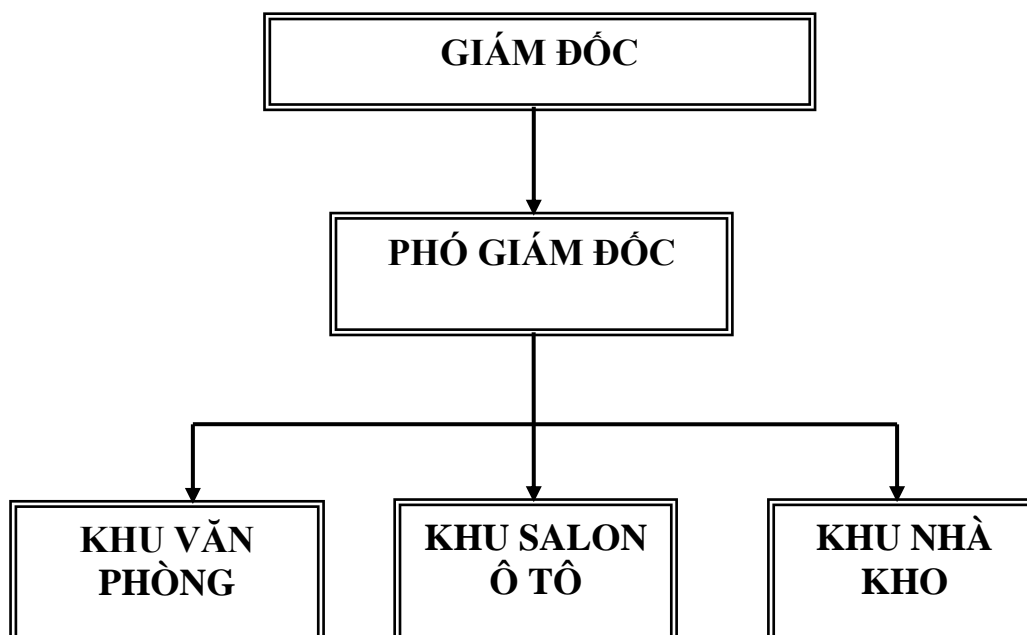
+ Các bộ phận kinh doanh được chia thành hai bộ phận:

- Bộ phận bán buôn

- Bộ phận bán lẻ

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh của công ty TNHH Thương mại Đông Á có thể minh họa bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH Thương mại Đông Á



a. Giám đốc: Là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, chịu trách nhiệm trước mọi hoạt động kinh doanh trong công ty. Giám đốc ngoài uỷ quyền cho phó giám đốc còn trực tiếp chỉ huy bộ máy của công ty thông qua các trưởng phòng ban.

b. Phó giám đốc : Giúp việc cho giám đốc, phụ trách kiểm soát hoạt động các khu và có trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý nguồn hàng vào và ra của công ty.

c. Khu văn phòng: Gồm các phòng ban trong công ty như phòng kinh doanh(xử lý vấn đề về khách hàng nhà cùn cấp..), phòng kế toán (xử lý công việc kế toán ghi chép, lập báo cáo tài chính..). phòng bảo vệ (trong coi giám sát các khu, phòng cháy...) mỗi một phòng ban đều đảm nhiệm những chức năng nhất định đảm bảo cho công ty hoạt động tốt nhất.

d. Khu salon ô tô: Nơi để mẫu xe giới thiệu cho khách hàng và bảo hành xe.

e. Khu nhà kho: Đây là nơi bảo quản các loại xe ô tô khi nhập về.

2.1.2.2. Tổ chức công tác kế toán của công ty.

- Công ty TNHH Thương mại Đông Á có qui mô nhỏ, địa bàn hoạt động tổ chức kinh tế tập trung tại một địa điểm. Công ty thực hiện tổ chức kế toán tập trung và áp dụng hình thức kế toán nhật ký toán hàng tồn kho của công ty được tiến hành theo

phương pháp nhập trước xuất trước, ở các gian hàng không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác hạch toán ban đầu, thu nhận kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách, hạch toán nghiệp vụ, chuyển chứng từ báo cáo về phòng kế toán tổng hợp để xử lý và tiến hành công tác kế toán. Tại các kho hàng tuân thủ chế độ ghi chép ban đầu, căn cứ vào phiếu nhập kho, xuất kho để ghi vào thẻ kho, cuối tháng báo cáo lên phòng kế toán. Bên cạnh đó, công ty còn áp dụng khoa học kỹ thuật và công tác hạch toán kế toán như ghi chép, lưu và tra các số liệu bằng máy tính.

- Tại phòng kế toán có 4 nhân viên với 4 chức năng và nhiệm vụ cụ thể:

+ **Kế toán trưởng:** Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp, chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

+ **Kế toán bán hàng:** Có 1 nhân viên kế toán theo dõi chi tiết xuất nhập và tồn kho hàng hoá, cuối tháng cần có chứng từ gốc để lập báo cáo tổng hợp nhập xuất, tồn kho hàng hoá.

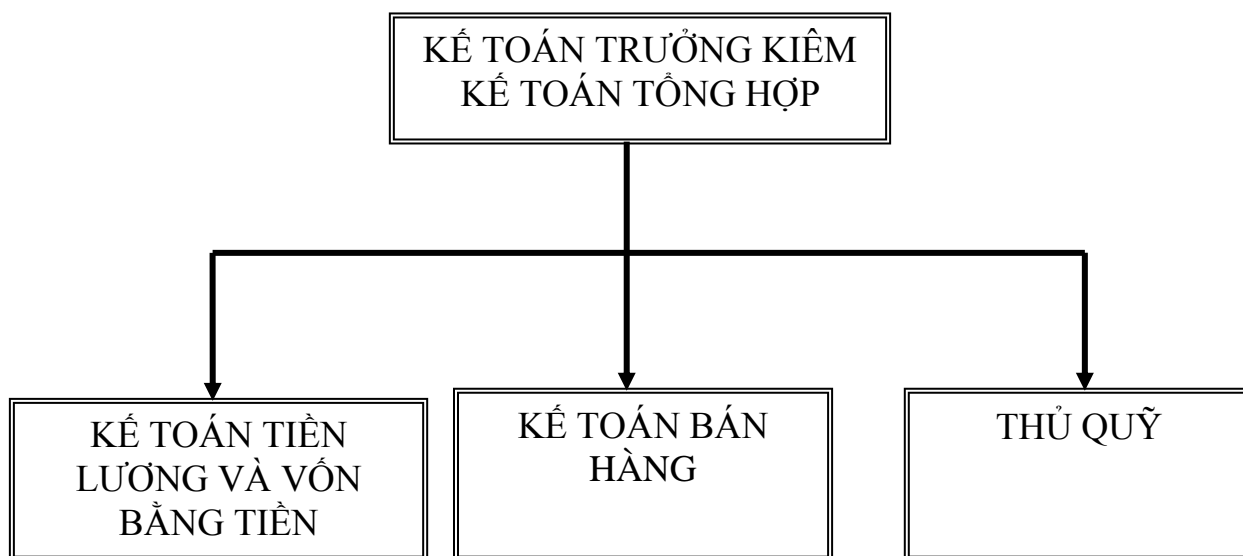
+ **Kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương:** Theo dõi vốn bằng tiền như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, đồng thời theo dõi tình hình tăng giảm và trích khấu hao tài sản cố định, thanh toán số lương phải trả cho từng người trên cơ sở tiền lương thực tế và tỷ lệ phần trăm theo quy định.

+ **Thủ quỹ:** Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty khá chặt chẽ, mỗi nhân viên có chức năng nhiệm vụ riêng và có quan hệ chặt chẽ để hoàn thành công việc chung của phòng.

- Bộ máy kế toán của công ty có thể được biểu hiện bằng sơ đồ sau:

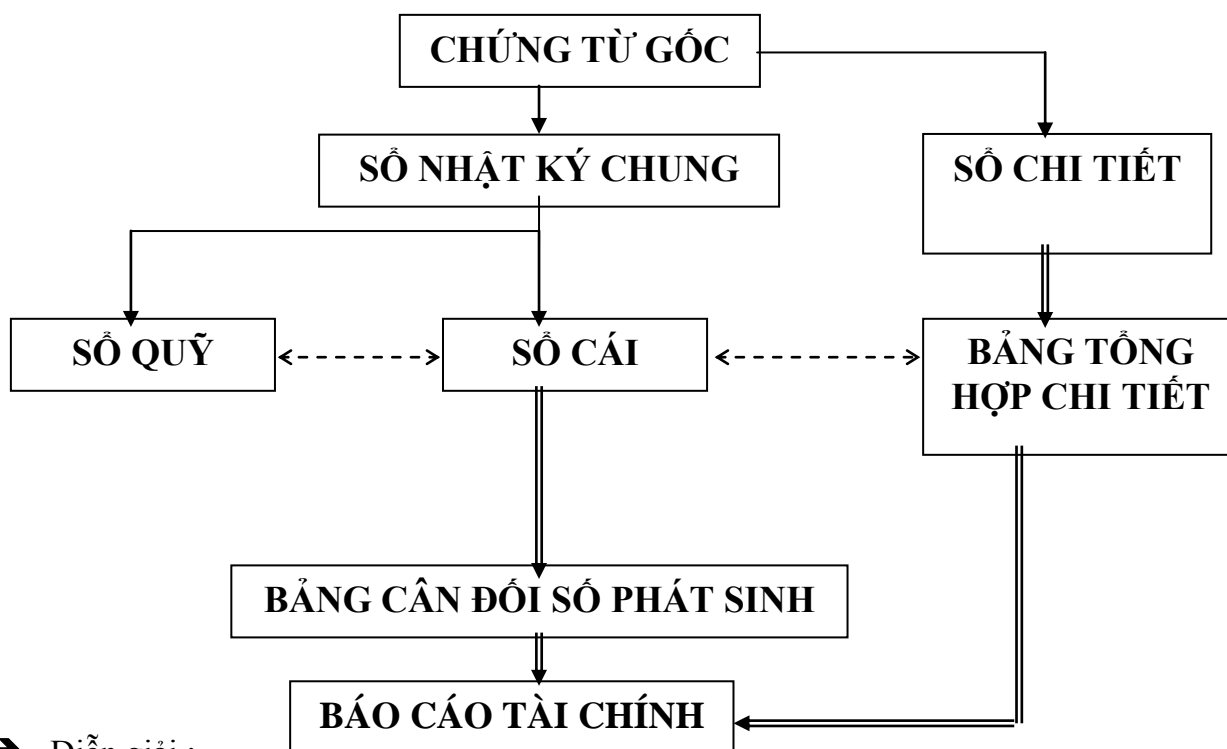
- Bộ máy kế toán của công ty có thể được biểu hiện bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.



* **Hình thức kế toán áp dụng** : Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống kế toán với hình thức nhật ký chung :

Sơ đồ 2.3 : Hệ thống kế toán theo hình thức Nhật ký chung



➔ Diễn giải :

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Nhật ký chung và sổ chi tiết các tài khoản. Căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái các tài khoản.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên Nhật ký chung, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Nhật ký chung. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.

Toàn bộ chứng từ kế toán do công ty lập hay từ bên ngoài về đều được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính chính xác, tính hợp pháp của chứng từ, từ đó những chứng từ đã có đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như tính hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ, bổ sung sau.

Về hoá đơn bán hàng, Công ty sử dụng hoá đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của Tổng Cục thuế và Bộ tài chính.

Hiện nay, Công ty sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán do Bộ tài chính ban hành, có thể chia thành các loại chứng từ như sau:

Loại 1: Chứng từ về lao động tiền lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, Giấy chứng nhận hưởng BHXH, Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH, Phiếu xác nhận sản phẩm, công việc hoàn thành, Hợp đồng giao khoán.

Loại 2 : Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm nghiệm, Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ, Biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa.

Loại 3: Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn giá trị gia tăng, Hóa đơn thu mua hàng ...

Loại 4: Chứng từ về tiền tệ: Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Biên lai thu tiền, Biên bản kiểm kê quỹ.

Loại 5: Chứng từ về tài sản cố định: Biên bản giao nhận, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành, Biên bản đánh giá lại TSCĐ.

2.1.4.4. Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Việc sử dụng tài khoản kế toán được Công ty tuân thủ theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành *tại quyết định 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ "Nhật ký chung", rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của Công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hình thức ghi sổ: kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC .

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2. Thực trạng tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thương mại Đông Á.

2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng:

Mức thuế suất 10%:

Đây là mức thuế suất được áp dụng với các mặt hàng của Công ty.

- Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào và bán ra như : xe kia morning slx, xe hyundai, xe Deawo Lacetic SE....

2.2.2. Phương pháp tính thuế.

Công ty TNHH Thương mại Đông Á áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy công ty thực hiện đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của nhà nước.

- Hoá đơn GTGT mẫu số 01 GTKT. Gồm 3 liên:

Liên 1: lưu

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Dùng thanh toán

- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.

- Bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các chứng từ hoá đơn đặc thù khác.

*Số thuế giá trị gia tăng phải nộp hàng kỳ của công ty (theo phương pháp khấu trừ) được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT đầu vào} \\ \text{phải nộp} & = & \text{đầu ra} & - & \text{được khấu trừ} \end{array}$$

a) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.

b) Thuế GTGT đầu vào (=) tổng số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán kế toán thuế GTGT tại công ty

Để hạch toán thuế GTGT công ty sử dụng TK 133 và TK 3331.

-TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

TK 1331 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hoá, dịch vụ

-TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng

TK 33311 : Thuế giá trị gia tăng đầu ra

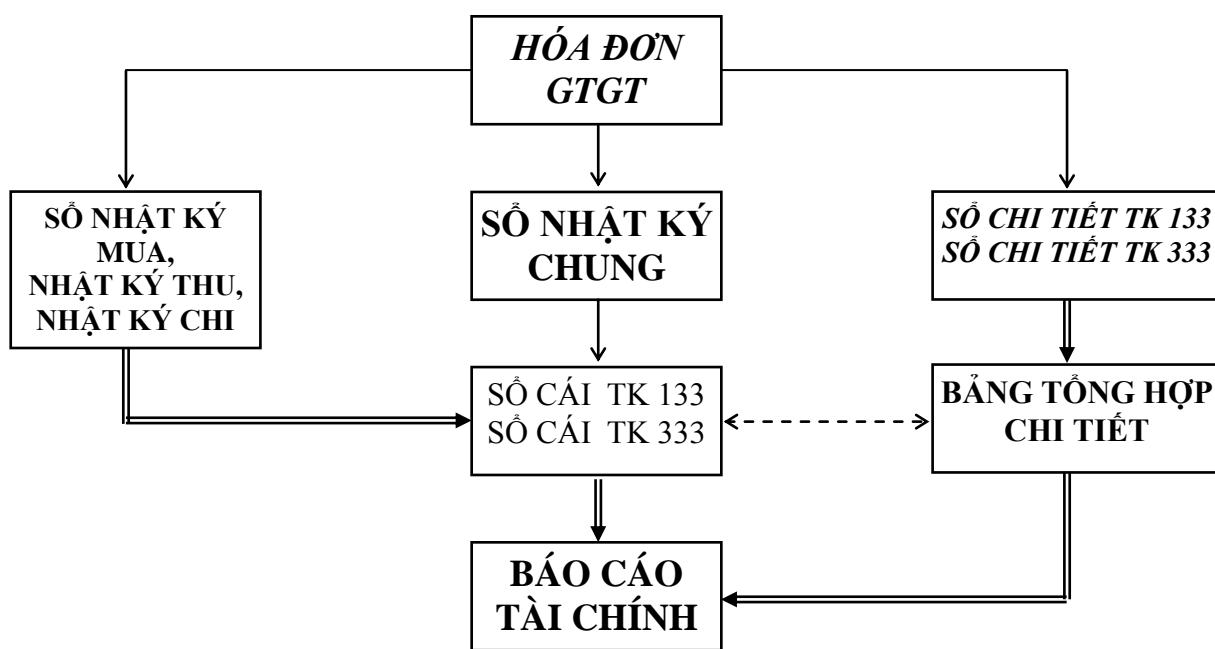
Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái tài khoản TK 133, TK 3331

- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản TK 133, TK 3331

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán thuế GTGT



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ⇄ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra.

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, hoặc sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và TK 3331.

2.2.4. Hạch toán ban đầu kế toán thuế GTGT.

2.2.4.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào.

- Tài khoản sử dụng: TK 133 "Thuế GTGT được khấu trừ"
- TK này sử dụng cho những đối tượng khấu trừ thuế, thuộc nhóm TK phải thu.

Tài khoản 133 có 2 TK cấp 2:

1331 "Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ

1332 "Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ

- Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

-
- Ngày 02/12/2011. Theo Hóa đơn GTGT AA/11P 0032156. Nhập kho 2 xe Hyundai Verna Viva 1.4 của CTCP ô tô Xuân Kiên chưa thanh toán. Trị giá hàng 766.363.636 đồng. Tiền thuế GTGT là 76.636.364 đồng.
 - Ngày 07/12/2011. Chi tiền trả phí DO vệ sinh cont 40' cho công ty TNHH DV Tiên Phong theo hóa đơn GTGT AA/11T 0056163 là 2.795.000 đồng (bao gồm VAT 10%)
 - Ngày 07/12/2011. Chi tiền trả phí lưu bãi cho CN Công ty CP container Vn Xí nghiệp cảng VICONSHIP theo hóa đơn GTGT AA/11T 0032127 số tiền là 1.930.545 chưa bao gồm VAT 10%
 - Ngày 07/12/2011. Chi tiền trả phí bốc xếp cho CN Công ty CP container Vn Xí nghiệp cảng VICONSHIP theo hóa đơn GTGT AA/11T 0032128 số tiền là 1.110.000 chưa bao gồm VAT 10%
 - Ngày 09/12/2011 Nhập khẩu 01 ô tô Kia Morning SLX 05 chỗ theo tờ khai hải quan số 5678. Trị giá 165.704.000. Thuế suất thuế nhập khẩu là 80%, thuế TTĐB là 45%, thuế GTGT là 10%. Chưa thanh toán.
 - Ngày 13/12/2011. Chi tiền trả phí cấp ủy quyền cho Công ty cổ phần quốc tế R&B theo hóa đơn GTGT AA/11P 0039759 số tiền là 454.545 chưa bao gồm VAT 10%
 - Ngày 14/12/2011. Chi tiền trả cước điện thoại, internet..., cho Công ty viễn thông Hải Phòng, theo hóa đơn GTGT AA/11P 0043276. Tổng giá thanh toán 5.720.000 đồng. Tiền thuế GTGT 10% là 520.000 đồng
 - Ngày 15/12/2011. Theo Tờ khai hải quan 4575. Nhập khẩu 3 ô tô Kia Morning SLX. Trị giá hàng 728.525.000 đồng. Thuế suất thuế Nhập khẩu là 80%, Thuế TTĐB là 45%, Thuế GTGT là 10%.
 - Ngày 20/12/2011. Chi tiền trả tiền điện cho Công ty THHH 1 thành viên điện lực Hải Phòng theo hóa đơn GTGT AA/12T 0035829. Tổng cộng tiền thanh toán là 1.630.000 đồng. Tiền thuế GTGT 10% là 148.182 đồng
 - Ngày 21/12/2011. Theo Tờ khai hải quan 4581. Nhập khẩu 05 xe Deawo Lacetic SE. Trị giá hàng 1.027.628.989 đồng. Thuế suất thuế Nhập khẩu là 80%, Thuế TTĐB là 45%, Thuế GTGT là 10%.

Biểu 2.2 : Hóa đơn GTGT mua vào

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/11P			
<i>Liên 2: giao cho khách hàng</i>		Số: 0056163			
Ngày 07 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH DV Tiên Phong					
Địa chỉ: Số 3 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS:0200274174					
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Thắng					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Đông Á					
Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM MS: 0200639795					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phí D/o	BL	1	488.750	488.750
2	Vệ sinh Cont 40'	DV	1	97.750	97.750
3	Phí tắc nghẽn (CIC)	CBM	1	1.955.000	1.955.000
Cộng tiền hàng:					2.541.500
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			254.150
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.795.650
Số tiền bằng chữ: Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: giao cho khách hàng
Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001
AA/11T
Số: 0032127

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp cảng VICONSHIP

Địa chỉ: Số 1 Ngô Quyền – Q. Hải An - Hải Phòng

Số tài khoản:

5Điện thoại: MS:0200453688-003

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Thắng

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM MS: 0200639795

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phí lưu bãi	/day	55	35.100	1.930.545
Cộng tiền hàng:					1.930.545
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		193.055
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.123.600
Số tiền bằng chữ: <i>Hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng chẵn./</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị: CTY TNHH TM ĐÔNG Á
Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh
Thiện – NQ – HP

Mẫu số 03 - TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Nợ 642: 1.930.545

Nợ 133: 193.055

Số: 004

Có 111: 2.123.600

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Họ và tên: ***Ngô Ngọc Bằng Xuân***

Địa chỉ: Phòng kế hoạch tài chính

Lí do chi: Trả phí lưu bãi

Số tiền: 2.123.600 (Viết bằng chữ): Hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm
đồng./

Kèm theo 01 HĐ GTGT 0032127

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	---------------------------------------	---	--

Biểu 2.4 : SỔ NHẬT KÝ CHUNG TK 133

CTY TNHH TM ĐÔNG Á

Số 51A Lương Khánh Thiện - NQ - HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
02/12	PN01	02/12	nhập kho 2 xe huyndai verna viva 1.4	156	766.363.636	
	0032156		của CTCP ô tô Xuân Kiên(VINAXUKI)	133	76.636.364	
				331		843.000.000
...
07/12	PC03	07/12	Chi TM trả tiền phí D/O	642	2.541.500	
	0056163			133	254.150	
				111		2.795.650
07/12	PC04	07/12	Chi TM trả tiền phí	642	1.930.545	
	0032127		lưu bãi	133	193.055	
				111		2.123.600
07/12	PC05	07/12	Chi TM trả tiền phí	642	1.110.000	
	0032128		bốc xếp	133	111.000	

				111		1.221.000
...
09/12	TK5678	09/12	Nhập khẩu 1 ô tô kia morning 05 chỗ	156	437.292.856	
			chưa thanh toán	331		165.704.000
				3333		135.877.280
				3332		135.711.576
				133	43.729.286	
				3331		43.729.286
...
13/12	PC07	13/12	Chi tiền mặt trả phí cấp ủy quyền	642	454.545	
	0039759			133	45.455	
				111		500.000
...
14/12	PC08	14/12	Chi tiền mặt trả cước điện thoại, internet...	642	5.200.000	
	0043276			133	520.000	
				111		5.720.000
...
15/12	TK 4575	15/12	Nhập khẩu 3 ô tô kia morning slx sx năm 2011	156	1.901.450.250	
			Giá nhập khẩu:	331		728.525.000
			Thuế nhập khẩu	3333		582.820.000
			Thuế TTDB	3332		590.105.250
			Thuế GTGT hàng nhập khẩu	133	190.145.025	
				33312		190.145.025

...
20/12	PC10	20/12	Chi tiền mặt trả tiền điện	642	1.481.818	
	0035829			133	148.182	
				111		1.630.000
...
21/12	TK4581	21/12	Nhập khẩu 05 ô tô Deawo Lacetic SE	156	1.665.907.864	
			chưa thanh toán	331		638.278.875
				3333		510.623.100
				3332		517.005.889
				133	166.590.786	
				3331		166.590.786
...
31/12	PKT	31/12	Thuế GTGT được Ktrừ	3331	225.545.455	
				133		225.545.455
...
			Cộng SFS		5.487.651.772	5.487.651.772

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5: SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 133

CTY TNHH TM ĐÔNG Á
Số 51A Lương Khánh Thiện - NQ - HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: 47.996.847

Chứng từ		Tên khách hàng	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Ngày	Số				Nợ	Có	Nợ	Có
02/12	0032156	Cty CP ô tô Xuân Kiên	Nhập kho 2 xe huyn dai verna viva 1.4 của	331	76.636.364		124.633.211	
07/12	0056163	Cty TNHH DVTiên Phong	Chi TM trả tiền phí D/O	111	254.150		124.887.361	
07/12	0032127	Xí nghiệp cảng Viconship	Chi TM trả tiền phí lưu bãi	111	193.055		125.080.416	
07/12	0032128	Xí nghiệp cảng Viconship	Chi TM trả tiền phí bốc xếp	111	111.000		125.191.416	
09/12	TK5678	Nhập khẩu từ Hàn Quốc	Nhập khẩu 1 ô tô kia morning chưa thanh toán	3331	43.729.286		168.920.702	
13/12	0039759	Cty cổ phần quốc tế R&B	Chi tiền mặt trả phí cấp ủy quyền	111	45.455		168.966.157	

14/12	0043276	Cty viễn thông HP	Chi tiền mặt trả cước điện thoại, internet...	111	520000		169.486.157	
15/12	TK4575	Nhập khẩu từ Hàn Quốc	Nhập khẩu 3 ô tô kia morning slx chưa thanh toán	3331	190.145.025		359.631.182	
20/12	0035829	Cty THHH điện lực HP	Chi tiền mặt trả tiền điện	111	148.182		359.779.364	
21/12	TK4515	Nhập khẩu từ Hàn Quốc	Nhập khẩu 05 ô tô Deawo Lacetic SE chưa tt	3331	166.590.786		526.370.150	
31/12	PKT		K/c thuế GTGT được Ktrừ	3331		225.545.455	300.824.695	

Tổng số phát sinh nợ: 478.373.303

Tổng số phát sinh có: 225.545.455

Số dư cuối kì: 300.824.695

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6 : Sổ Cái TK 133

CTY TNHH TM ĐÔNG Á

Số 51A Lương Khánh Thiện - NQ - HP

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI*Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ**SH: 133*

Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK		47.996.847	
			SFS			
02/12	0032156	02/12	Nhập kho 2 xe huyn dai verna viva 1.4 của CTCP ô tô Xuân Kiên	331	76.636.364	
07/12	0056163	07/12	Chi TM trả tiền phí D/O	111	254.150	
07/12	0032127	07/12	Chi TM trả tiền phí lưu bãi	111	193.055	
07/12	0032128	07/12	Chi TM trả tiền phí bốc xếp	111	111.000	
09/12	TK5678	09/12	Nhập khẩu 1 ô tô kia morning 05 chỗ chưa thanh toán	3331	43.729.286	
13/12	0039759	13/12	Chi tiền mặt trả phí cấp ủy quyền	111	45.455	
14/12	0043276	14/12	Chi tiền mặt trả cước điện thoại, internet...	111	520000	
15/12	TK4575	15/12	Nhập khẩu 3 ô tô kia morning slx chưa thanh toán	3331	190.145.025	
20/12	0035829	20/12	Chi tiền mặt trả tiền điện	111	148.182	

21/12	TK4515	21/12	Nhập khẩu 05 ô tô Deawo Lacetic SE chưa thanh toán	3331	166.590.786	
31/12	PKT	31/12	K/c thuế GTGT được Ktrừ	3331		225.545.455
			Cộng SFS		478.373.303	225.545.455
			SDCK		300.824.695	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra.

-Tài khoản sử dụng: TK 3331 "Thuế GTGT phải nộp"

TK này có thể có số dư Có hoặc số dư Nợ

SD Có: Số thuế GTGT còn phải nộp

SD Nợ: Số thuế GTGT hiện nộp thừa

TK 3331 được quy định có 2 TK cấp 3

+ 33311 "thuế GTGT đầu ra"

+ 33312 "Thuế GTGT hàng nhập khẩu"

□ Chứng từ phản ánh nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu ra là các hóa đơn GTGT do doanh nghiệp lập khi bán hàng hóa.

□ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

- Ngày 04/12/2011 Theo hóa đơn GTGT 0089418, bán 01 xe kia morning slx màu vàng cho Khách hàng Lê Thị Thu Hà chưa thanh toán.. Tổng giá thanh toán là 338.000.000 đồng. Tiền thuế GTGT 10% là 30.727.273 đồng.
- Ngày 07/12/2011. Theo hóa đơn GTGT 0089419, Bán 01 xe kia morning slx màu đỏ cho khách hàng Trần Lan Hương chưa thanh toán. Tổng giá thanh toán là 405.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 10% là 36.818.182 đồng..
- Ngày 15/12/2011. Theo hóa đơn GTGT 0089420, Bán 01 xe kia morning slx màu đỏ cho Cty CP H à Nam Co chưa thanh toán. Tổng giá thanh toán là 405.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 10% là 36.818.182 đồng.
- Ngày 19/12/2011 Theo hóa đơn GTGT 0089421. Bán xe DEAWO Lacetic SE cho Khách hàng Dương Phúc Lợi chưa thanh toán. Tổng giá thanh toán 518.000.000 đồng. Tiền thuế GTGT = 47.090.909 đồng.
- Ngày 23/12/2011 Theo hóa đơn GTGT 0089421. Bán xe Kia morning slx cho Công ty TNHH Đông Dương chưa thanh toán. Tổng giá thanh toán 410.000.000 đồng. Tiền thuế GTGT = 37.272.727 đồng.
- Ngày 27/12/2011. Theo hóa đơn GTGT 0089422, Bán 01 xe kia morning slx màu đỏ cho khách hàng Phạm Minh Hằng chưa thanh toán. Tổng giá thanh toán là 405.000.000 đồng, tiền thuế GTGT 10% là 36.818.182 đồng.

Biểu 2.7: Hóa đơn GTGT bán ra

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/11P			
<i>Liên 3: Nội bộ</i>		Số: 0089418			
Ngày 04 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Đông Á					
Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS: 0200639795			
Họ tên người mua hàng: Lê Thị Thu Hà					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ: Số 303 Tổ Phố Cảng – Quán Toan – Hồng Bàng – HP					
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán		MS:			
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô con Kia morning slx 05 chỗ màu vàng đã qua sử dụng	Chiếc	1	307.272.727	307.272.727
Cộng tiền hàng:					307.272.727
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		30.727.273
Tổng cộng tiền thanh toán:					338.000.000
Số tiền bằng chữ: <i>Ba trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Mẫu số: 01GTKT3/001

AA/11P

Số: 0089419

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Đông Á

Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: MS: 0200639795

Họ tên người mua hàng: Trần Lan Hương

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Số 18 ngách 19/15 Liễu Giai – Liễu Giai – Ba Đình – Hà Nội

Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MS:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô con Kia morning slx 05 chỗ màu đỏ, mới 100%	Chiếc	1	368.181.818	368.181.818

Cộng tiền hàng: 368.181.818

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 36.818.182

Tổng cộng tiền thanh toán: 405.000.000

Số tiền bằng chữ: *Bốn trăm linh lăm triệu đồng chẵn./*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu 2.8 : SỔ NHẬT KÝ CHUNG TK3331

CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á
Số 51A Lương Khánh Thiện - NQ - HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
04/12	0089418	04/12	Bán xe kiamorning	131	338.000.000	
			chưa thanh toán	511		307.272.727
			KH: Lê Thị Thu Hà	3331		30.727.273
	PX01		Trị giá vốn hàng bán	632	284.801.376	
				156		284.801.376
...
07/12	0089419	07/12	Bán xe kiamorning	131	405.000.000	
			chưa thanh toán	511		368.181.818
			KH: Trần Lan Hương	3331		36.818.182
	PX02		Trị giá vốn hàng bán	632	343.227.273	
				156		343.227.273
...
15/12	0089420	15/12	Bán xe kiamorning	131	405.000.000	
			chưa thanh toán	511		368.181.818
			KH: Cty CP Hà Nam Co	3331		36.818.182
	PX03		Trị giá vốn hàng bán	632	343.227.273	
				156		343.227.273
...
19/12	0089421	19/12	Bán xe Deawo Lacetic SE	131	518.000.000	
			chưa thanh toán	511		470.909.091
			KH: Dương Phúc Lợi	3331		47.090.909
	PX04		Trị giá vốn hàng bán	632	440.910.909	
				156		440.910.909

...
23/12	0089422	23/12	Bán xe kiamorning	131	410.000.000	
			chưa thanh toán	511		372.727.273
			KH: Cty TNHH Đông Dương	3331		37.272.727
	PX05		Trị giá vốn hàng bán	632	346.537.402	
				156		346.537.402
...
27/12	0089423	27/12	Bán xe kiamorning	131	405.000.000	
			chưa thanh toán	511		368.181.818
			KH: Phạm Minh Hằng	3331		36.818.182
	PX06		Trị giá vốn hàng bán	632	346.537.402	
				156		346.537.402
31/12	PKT	31/12	Thuế GTGT được Ktrừ	3331	225.545.455	
				133		225.545.455
...
			Cộng SFS		4.811.787.090	4.811.787.090

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.9: SỔ CHI TIẾT TK 3331
 CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á
 Số 51A Lương Khánh Thiện - NQ - HP

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
 Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp
 Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ: -

Chứng từ		Tên khách hàng	Diễn giải	TK ĐU'	Số phát sinh		Số Dư	
Ngày	Số				Nợ	Có	Nợ	Có
04/12	0089418	Lê Thị Thu Hà	Bán xe kiamorning chưa tt	131		30.727.273		30.727.273
07/12	0089419	Trần Lan Hương	Bán xe kiamorning chưa tt	131		36.818.182		67.545.455
15/12	0089420	Cty CP Hà Nam Co	Bán xe kiamorning chưa tt	131		36.818.182		104.363.637
19/12	0089421	Dương Phúc Lợi	Bán xe Deawo Lacetic SE	131		47.090.909		151.454.546
23/12	0089422	Cty TNHH Đông Dương	Bán xe kiamorning chưa tt	131		37.272.727		188.727.273
27/12	0089423	Phạm Minh Hằng	Bán xe kiamorning chưa tt	131		36.818.182		225.545.455
31/12	PKT		K/c thuế GTGT được Ktrừ	133	225.545.455			0

Tổng số phát sinh nợ: 225.545.455

Tổng số phát sinh có: 225.545.455

Số dư cuối kỳ: -

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: SỔ CÁI TK 333

CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á
Số 51A Lương Khánh Thiện - NQ - HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Thuế phải nộp nhà nước

SH: 333

Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			SDDK			830.609.293
			SFS			
04/12	0089418	04/12	Bán xe kiamorning chưa thanh toán	131		30.727.273
07/12	0089419	07/12	Bán xe kiamorning chưa thanh toán	131		36.818.182
12/09	TK5678	12/09	Nhập khẩu 01 xe kiamorning- Thuế XNK	156		135.877.280
			Thuế TTĐB	156		135.711.576
15/12	0089420	15/12	Bán xe kiamorning chưa thanh toán	131		36.818.182
15/12	TK4575	15/12	Nhập khẩu 03 xe kiamorning- Thuế XNK	156		582.820.000
			Thuế TTĐB	156		590.105.250

19/12	0089420	19/12	Bán xe Deawo Lacetic SE	131		47.090.909
21/12	TK4581	21/12	Nhập khẩu 05 ô tô Deawo Lacetic SE- Thuế XNK	156		510.623.100
			Thuế TTĐB	156		517.005.889
23/12	0089421	23/12	Bán xe kiamorning chưa thanh toán	131		37.272.727
27/12	0089422	27/12	Bán xe kiamorning chưa thanh toán	131		36.818.182
31/12	PKT	31/12	K/c thuế GTGT được Ktrừ	133	225.545.455	
			Cộng SFS		225.545.455	2.697.688.550
			SDCK			3.302.752.388

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. kê khai, khấu trừ và nộp thuế GTGT.

2.2.5.1. kê khai thuế.

Hàng tháng sau khi xác định số thuế GTGT phải nộp, số thuế đã nộp, kê toán xác định số thuế cần phải nộp, số thuế đã nộp thừa vào ngân sách nhà nước, trên cơ sở đó kê toán lập tờ khai thuế GTGT theo mẫu quy định 01/GTGT do Bộ tài chính phát hành. Căn cứ để lập tờ khai thuế gồm bảng kê khai hoá đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-2/GTGT, bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra mẫu số 01-1/GTGT, số cái tài khoản 333 ...

Sau khi lập tờ khai thuế GTGT, phòng kế toán Công ty gửi cho cơ quan thuế kèm theo bảng tổng hợp, bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào và bảng tổng hợp, bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra. Theo quy định thời gian gửi tờ khai thuế GTGT hàng tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là trong mười ngày đầu tháng tiếp theo.

* Quy trình lập tờ khai thuế giá trị gia tăng :

Để thuận lợi cho việc lập tờ khai thuế nhanh và chính xác hiện nay Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ cung cấp cho Công ty các chức năng sau :

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.

- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, kê khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hoá thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này).

Hiện nay Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 3.0.1 với giao diện như hình sau:



➤ Giới thiệu về cách sử dụng phần mềm để kê khai thuế giá trị gia tăng.

Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “ Mã số thuế “. Sau đó kích chuột vào chữ “ Đồng ý “

Mã số thuế của công ty TNHH Thương Mại Đông Á là 0200639795



Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện như sau :

The screenshot shows a software window titled "Thông tin chung về người nộp thuế" (General information about the taxpayer). The window contains a form with the following fields and values:

- Mã số thuế: 0 2 0 0 6 3 9 7 9 5 -
- Người nộp thuế: * Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
- Địa chỉ trụ sở: * Số 51A Lương Khánh Thiện
- Quận/ huyện: * Ngô Quyền
- Tỉnh/ Thành phố: * Hải Phòng
- Điện thoại: 0313501269
- Fax: 0313.528859
- Email:
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh buôn bán ô tô các loại
- Số TK ngân hàng: 0346869
- Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm): * 01/01
- Người ký tờ khai:
- Cơ quan thuế cấp Cục: * HPH - Cục Thuế TP Hải Phòng (dropdown) 10300 (dropdown)
- Cơ quan thuế quận lý: * Chi cục Thuế Quận Ngô Quyền (dropdown) 10303 (dropdown)
- Tên đơn vị chủ quản:
- Mã số thuế đơn vị chủ quản:
- Thông tin đại lý:
- Mã số thuế đại lý: *
- Tên đại lý thuế: *
- Địa chỉ trụ sở: *
- Quận/ huyện: *
- Tỉnh/ Thành phố: *
- Điện thoại:

At the bottom of the window, there are buttons for "Ghi" (Save) and "Đóng" (Close). The Windows taskbar at the bottom shows the Start button, several icons, and the system tray with the time 10:54 PM.

Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như :

- Người nộp thuế : ở đây phải điền là “ Công ty TNHH Thương Mại Đông Á”
- Địa chỉ trụ sở : ở đây điền là “ Số 51A Lương Khánh Thiện”
- Quận/ huyện : ở đây điền là “ Ngô Quyền”
- Tỉnh/ thành phố : ở đây điền là “ Hải Phòng”
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.

- Ngày bắt đầu năm tài chính : ở đây điền là “ 01/01 “
- Cơ quan thuế cấp Cục : sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “ HPH- Cục thuế TP Hải Phòng”

- Cơ quan thuế quản lý : là chi cục thuế các quận, huyện và thành phố. Ở đây ta chọn “ Chi cục thuế Quận Ngô Quyền”

Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “ Ghi” sau khi có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công”, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “Đóng”. Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.



Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “ Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT). Giao diện tiếp theo là :



Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “ PL 01-1/GTGT “ và “ PL 01-2/GTGT “ Hoặc cũng có thể kích chuột vào " chọn phụ lục kê khai " để chọn tất cả các phiếu lập rồi sau đó kích chuột vào “ đồng ý “. Kế toán chỉ sử dụng “ PL 01-3/GTGT “ sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “ Tờ khai “ , “ PL 01-1/GTGT “ , “ PL 01-2/GTGT “ .

Kích chuột vào “ PL 01-1/GTGT „ nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng

hoá, dịch vụ bán ra.

Hệ thống khai - Phiên bản 3.0.1

Nhập tờ khai

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:								
1							0	
Tổng							0	
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:								
1							0	
Tổng							0	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	
Tổng							0	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1							0	
Tổng							0	
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	
Tổng							0	

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra :

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra :

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT :

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Tại đây kê toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT.

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ :

Ngày 04/12/2011 Công ty TNHH Thương Mại Đông Á Theo hóa đơn GTGT 0089418, bán 01 xe kia morning slx màu vàng cho Khách hàng Lê Thị Thu Hà chưa thanh toán.. Tổng giá thanh toán là 338.000.000 đồng. Tiền thuế GTGT 10% là 30.727.273 đồng.

□ Kế toán tiến hành kê khai vào phần mềm " hỗ trợ kê khai thuế " như sau :

Kê khai vào phần 4: Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%. Khi kê khai phải điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : là AA/2010B
- Số hoá đơn : là 0089418
- Ngày, tháng năm phát hành : 04/12/2011
- Tên người mua : là Lê Thị Thu Hà
- Mã số thuế người mua :
- Mặt hàng : Xe kia morning màu vàng đã qua sử dụng
- Doanh số bán chưa có thuế : 307.272.727
- Thuế suất : 10%
- Thuế giá trị gia tăng : 30.727.273

□ Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi. Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi”. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công”. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ

“Đóng”. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1							0	0
Tổng							0	0
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	0
Tổng							0	0
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1	AA/11P	0089418	04/12/2011	Lê Thị Thu Hà		Xe Kia morning đã qua s/d	307.272.727	30.727.273
2	AA/11P	0089419	07/12/2011	Trần Lan Hương		Xe Kia morning mới 100%	368.181.818	36.818.182
3	AA/11P	0089420	15/12/2011	Cty Hà Nam Co	0101884806	Xe Kia morning mới 100%	368.181.818	36.818.182
4	AA/11P	0089421	19/12/2011	Dương Phúc Lợi		Xe Deawo Lacetic SE	470.909.091	47.090.909
5	AA/11P	0089422	25/12/2011	Cty TNHH Đồng Dương	0200145309	Xe Kia morning mới 100%	372.727.273	37.272.727
6	AA/11P	0089423	27/12/2011	Phạm Minh Hằng		Xe Kia morning mới 100%	368.181.818	36.818.182
Tổng							2.255.454.545	225.545.455
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	0
Tổng							0	0

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : 2.255.454.545
 Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : 225.545.455
 Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT : 2.255.454.545

Tờ khai PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
 Bấm F6 - Xóa dòng

[Thêm phụ lục] [Nhập lại] [Ghi] [In] [Xóa] [Kết xuất] [Đóng]

Giao diện trên là bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra tháng 12 năm 2011. Ta thấy :

- Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra trong tháng 12/2011 là

2.255.454.545 đ

- Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra trong tháng 12 là

225.545.455 đ

Tiếp theo, kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT “, nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

Hệ trợ kê khai - Phiên bản 3.0.1

Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDY mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng								0	0
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:									
1							0	0	0
Tổng								0	0
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng								0	0
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng								0	0
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
1							0	0	0
Tổng								0	0

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Tờ khai / PL 01-1/GTGT PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

start Hệ trợ kê khai - Phiên b... 10:57 PM

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ hàng hóa mua vào của công ty Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá dịch vụ dùng riêng cho SXKD đủ điều kiện khấu trừ thuế.
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ.
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế.
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế.
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT.

Ví dụ :

Ngày 02/12/2011. Theo Hóa đơn GTGT AA/2010B 0032156. Công ty TNHH Thương Mại Đông Á nhập kho 2 xe huundai verna viva 1.4 của CTCP ô tô Xuân Kiên chưa thanh toán. Trị giá hàng 766.363.636 đồng. Tiền thuế GTGT là 76.636.364 đồng.

Từ nghiệp vụ phát sinh trên kế toán tiến hành kê khai vào phần mềm " hỗ trợ kê khai thuế " như sau :

Kê khai vào phần 1: Hàng hoá dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:

Khi kê khai phải điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : là AA/2010B
- Số hoá đơn : là 0032156
- Ngày, tháng năm phát hành : là 02/12/2011
- Tên người bán : là Công ty Cổ Phần ô tô Xuân Kiên
- Mã số thuế người bán : 0200569482
- Mặt hàng : xe huundai verna viva 1.4
- Doanh số bán chưa có thuế : 766.363.636đ
- Thuế suất : 10%
- Thuế giá trị gia tăng : 76.636.364đ

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi ”. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công ”. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng ”. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ mua vào.

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỬ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng tử, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:

1	AA/11P	0032156	02/12/2011	CTCP ô tô Xuân Kiên	0101884806	Xe hyundai verna viva 1.4	766.363.636	10	76.636.363
2	AA/11T	0056163	07/12/2011	Công ty TNHH DV Tiên Phong	0200274174	Phí DO vệ sinh cont 40'	2.541.500	10	254.150
3	AA/11T	0032127	07/12/2011	Xí nghiệp cảng VICONSHIP	0200453688-003	Phí lưu bãi	1.930.545	10	193.054.500
4	AA/11T	0032128	07/12/2011	Xí nghiệp cảng VICONSHIP	0200453688-003	Phí bốc xếp	1.110.000	10	111.000
5	Tờ khai HQ	0005678	09/12/2011	DAIN Korea Co. LTD	0800740282	01 xe Kia morning	437.292.864	10	43.729.286.400
6	AA/11P	0039759	13/12/2011	Công ty cổ phần quốc tế R&B	0200801511	Phí cấp ủy quyền	454.545	10	45.454.500
7	AA/11P	0043276	14/12/2011	Công ty viễn thông Hải Phòng	0100237059	cước điện thoại, internet...	5.200.000	10	520.000
8	Tờ khai HQ	0004575	15/12/2011	DAIN Korea Co. LTD	0800740282	03 xe Kia morning	1.901.450.250	10	190.145.025.000
9	AA/11T	0035829	20/12/2011	Công ty điện lực Hải phòng	0100819240	phí sử dụng điện	1.481.818	10	148.181.800
10	Tờ khai HQ	0004581	21/12/2011	DAIN Korea Co. LTD	0800740282	05 xe Deawo Lacetic SE	1.665.907.864	10	166.590.786.400
Tổng							4.783.733.022		478.373.302.200

2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:

1							0	0	
Tổng							0		0

3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:

1							0	0	
Tổng							0		0

4. Hàng hoá, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:

1							0	0	
Tổng							0		0

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Hệ trị kê khai - Phiên bản 3.0.1

Nhập tờ khai

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21]	<input type="checkbox"/>	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22]		47.996.847
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào [23]	4.783.733.022 [24]	478.373.303
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [25]		478.373.303
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT [26]	0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ((27)=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33]) [27]	2.255.454.545 [28]	225.545.455
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% [29]	0	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% [30]	0 [31]	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% [32]	2.255.454.545 [33]	225.545.455
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28]) [34]	2.255.454.545 [35]	225.545.455
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25]) [36]		(252.827.848)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước [37]		0
2	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước [38]		0
V	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh [39]		0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39]>0) [40a]		0
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế [40b]		0
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b]) [40]		0
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39]<0) [41]		300.824.695
4.1	Thuế GTGT để nghị hoàn [42]		0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42]) [43]		300.824.695

Tờ khai PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

start Hệ trị kê khai - Phiên b... 11:55 PM

□ **Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 01/GTGT)**

□ **Mô t số quy đị nh chung :**

* Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.

* Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm....) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

- [01] : Kỳ tính thuế : tháng 12 năm 2011
- [02] : Người nộp thuế : Công ty TNHH Thương Mại Đông Á
- [03] : Mã số thuế : 0200639795
- [04] : Địa chỉ trụ sở : Số 51A Lương Khánh Thiện
- [05] : Quận/huyện : Ngô Quyền
- [06] : Tỉnh/thành phố : Hải Phòng
- [07] : Điện thoại : 0313. 501268
- [08] : Fax :0313.528859
- [09] : Email :

Nếu có sự thay đổi các thông tin từ mã số [02] đến mã số [09], CSKD phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

Đối với Tờ khai thuế GTGT của dự án đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải kê khai rõ tên của từng dự án đang trong giai đoạn đầu tư.

* Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

* Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được

người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

□ **Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT**

(mẫu số 01/GTGT)

A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [21], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [22] của Tờ khai thuế GTGT kỳ này là số thuế đã ghi trên mã số [43] của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

C- Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước

I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

1. Chỉ tiêu “Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào”

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ

- **[23] : 4.783.733.202**

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào.

- **[24] : 478.373.303**

2. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”

- **Mã số [25]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

- **[25] : 478.373.303**

II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”

- Mã số [26] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

- [26]: Không phát sinh trong kỳ

2. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”

- Mã số [27] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

- [27] : 2.255.454.545

- Mã số [28] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

- [28] : 225.545.455

a. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"

- Mã số [29]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

-[29] : Không phát sinh trong kỳ

b. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :

- Mã số [30]: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

-[30] : Không phát sinh trong kỳ

- Mã số [31]: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

-[31] : Không phát sinh trong kỳ

c. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :

- Mã số [32]: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

- [32] : 2.255.454.545

- Mã số [33] : Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

- [33] : 225.545.455

3. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra” :

- Mã số [34]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra

trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

$$[34] = [26] + [27]$$

$$- [34] : 2.255.454.545$$

- **Mã số [35]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức :

$$[35] = [28]$$

$$- [35] : 225.545.455$$

III. Thuế GTGT phát sinh trong kỳ

- **Mã số [34]:** Thuế GTGT phát sinh trong kỳ

$$[36] = [35] - [25]$$

$$- [36] : (252.827.848)$$

IV. Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước

1. Chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước”

- **Mã số [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng số thuế GTGT của HHDV các kỳ kê khai trước.

$$- [37] : \text{Không phát sinh trong kỳ}$$

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh giảm số thuế GTGT của HHDV các kỳ kê khai trước.

$$- [38] : \text{Không phát sinh trong kỳ}$$

V- Tổng số thuế GTGT của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh

- **Mã số [39]:** Tổng số thuế GTGT của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh trong kỳ

$$- [39] : \text{Không phát sinh trong kỳ}$$

VI- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ”:

- **Mã số [40a]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] \geq 0$$

$$- [40a] : -$$

2. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ”

- [40b] : -

3. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ”:

- Mã số [41]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[40] = [40a] - [40b]$$

- [41] : -

4. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ”:

- Mã số [41]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] \geq 0$$

- [41] = **300.824.695**

4.1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này ”

- Mã số [42]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

CSKD không được chuyển sang khấu trừ của kỳ sau đối với số thuế đã đề nghị hoàn trong kỳ.

CSKD đã ghi số liệu vào ô mã số [42] thì phải gửi công văn đề nghị hoàn thuế và hồ sơ hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế.

Trường hợp CSKD không ghi số thuế đề nghị hoàn vào ô mã số [42] của tờ khai thì số thuế còn được khấu trừ này đã chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp. Nếu sau đó CSKD gửi công văn và hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho số thuế này thì cơ quan thuế sẽ không xét hoàn thuế.

4.2 Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :

- Mã số [43]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

- [41] = **300.824.695**

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

2.2.5.2. Khấu trừ thuế GTGT:

Hàng tháng căn cứ vào tờ khai thuế GTGT, trên cơ sở tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra, kế toán tiến hành khấu trừ thuế GTGT.

□ **Ví dụ:**

Trong tháng 12, căn cứ vào tờ khai thuế GTGT tháng 12/2010 kế toán xác định:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ : 526.370.150(đồng)

- Thuế GTGT đầu ra : 225.545.455 đồng

Bút toán khấu trừ thuế GTGT:

Nợ TK 33311 : 225.545.455

Có TK 133 : 225.545.455

Bút toán khấu trừ thuế GTGT được thực hiện vào cuối tháng, sau khi xác định được tổng số thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào và bán ra. Về nguyên tắc chỉ được khấu trừ theo số nhỏ hơn, và đơn vị đã thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT theo đúng nguyên tắc quy định.

→ Thuế GTGT phải nộp trong tháng 12:

$$526.370.150 - 225.545.455 = 300.824.695$$

2.2.5.3. Nộp thuế GTGT:

Hàng tháng sau khi nhận được thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, trong thời gian quy định (chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo), Kế toán công ty sẽ thực hiện nộp thuế theo đúng quy định. Sau khi nhận được giấy báo nợ của ngân hàng kế toán tiến hành ghi sổ bút toán:

Nợ 333(1) : 300.824.695

Có 111, 112 : 300.824.695

CHƯƠNG III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM GIẢI QUYẾT NHỮNG SAI SÓT TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á.

3.1. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

Có thể nói từ khi thành lập cho đến nay công ty TNHH TM Đông Á đã có được những bước đi vững chắc, thuận lợi đạt hiệu quả cao được thể hiện ở những thành tích mà công ty đã đóng góp cho xã hội. Hiện nay đóng góp vào ngân sách nhà nước của công ty ngày càng tăng và công ty được đánh giá là một trong những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Cùng với sự phát triển của công ty, bộ máy kế toán cũng ngày càng hoàn thiện và có những đóng góp rất to lớn về vấn đề tài chính giúp cho công ty đứng vững và có sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Công ty luôn kịp thời áp dụng và thực hiện tốt chế độ kế toán mới do bộ tài chính ban hành. Công tác hạch toán kế toán trên cơ sở vận dụng linh hoạt nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc kế toán nhờ đó đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời nhu cầu thông tin cho quá trình quản lý.

Việc tổ chức bộ máy kế toán tập trung như hiện nay đã đảm bảo cho kế toán phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của mình. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu của công việc và phù hợp với chuyên môn của từng người.

Công ty TNHH Thương Mại Đông Á là Công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, nghiệp vụ phát sinh trong tháng, quý...không nhiều tuy nhiên Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phần hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty và của bộ tài chính. Công ty đã bắt đầu ứng dụng phần mềm kế toán đối với việc quản lý tài chính, tuy vậy việc thực hiện kế toán trên sổ vẫn là chủ yếu, phần mềm kế toán mà Công ty sử dụng chỉ như một công cụ hỗ trợ cho việc tính toán, chính nhờ vậy mà giảm nhẹ được khối lượng công việc và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Công tác kế toán của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những qui định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật

thuế GTGT, đơn vị đều làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế.

Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế. Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Bằng những kiến thức đã học cộng với thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau.:

***/ Về ưu điểm:**

- Đề thuận lợi cho việc lập tờ khai thuế nhanh và chính xác hiện nay Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ do Tổng cục thuế xây dựng.

Việc công ty sử dụng phần mềm HTKK thuế đã giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán.

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

***/ Về hạn chế:**

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, chưa phân biệt được giữa hủy hóa đơn và xóa bỏ hóa đơn dẫn đến sai sót, thiếu hụt hóa đơn không đúng theo chuẩn mực kế toán. Kế toán công ty kê khai nhầm. Đáng lẽ kê khai vào hủy hóa đơn thì kế toán lại ghi vào cột xóa bỏ.

-Hiện nay công ty TNHH Thương mại Đông Á vẫn còn nộp tờ khai thuế GTGT theo cách trực tiếp. Làm như vậy là kém văn minh, làm tiêu tốn nhiều thời gian và chi phí đi lại. Gặp nhiều khó khăn trong việc xin chữ kí của lãnh đạo trước khi đem đi nộp, có khi thời gian quá gấp dẫn đến sai sót trên tờ khai thuế. Quá trình đi nộp

cũng qua nhiều thủ tục, khó khăn.

-Chỉ tiêu [37] [38] trên tờ khai thuế GTGT là điều chỉnh tăng, giảm Thuế GTGT của các kỳ trước. Thực tế hai chỉ tiêu này chỉ điều chỉnh ảnh hưởng của kê khai sai thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ nhưng công ty làm sai thuế GTGT đầu ra mà vẫn điều chỉnh vào hai chỉ tiêu trên là sai sót trong quá trình hạch toán kế toán thuế GTGT.

-Trong công tác hạch toán bán hàng giảm giá của công ty còn gặp sai sót. Khi công ty bán hàng có hàng giảm giá công ty chỉ lập biên bản giảm giá hàng mà không hề lập hóa đơn giảm giá hàng để theo dõi số thuế GTGT trên hóa đơn GTGT.

- Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, nhưng do Công ty TNHH Thương Mại Đông Á là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nên bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn .Công ty vẫn chưa có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế, kế toán viên kiêm luôn kế toán về thuế dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và không khách quan.

Trên đây là một vài tồn tại trước mắt, bộ phận kế toán của Công ty nên đưa ra các biện pháp giải quyết để công tác kế toán thuế GTGT của Công ty được hoàn thiện hơn nữa.

3.2. Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện, tổ chức công tác kế toán thuế GTGT.

Kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp, thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào ngân sách Nhà nước từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, tránh được tình trạng chậm trễ trong việc tính toán thuế dẫn tới tình trạng chậm nộp thuế ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước, uy tín của doanh nghiệp và cả về mặt vật chất khi bị phạt chậm nộp thuế. Việc thực hiện tổ chức công tác kế toán thuế một cách khoa học giúp cho kế toán doanh nghiệp dễ dàng giải trình về các số liệu liên quan đến thuế GTGT phải nộp trong kỳ.

Với cơ chế thị trường mở cửa cạnh tranh đã trở thành một xu thế tất yếu, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao hiệu quả SXKD nâng cao uy tín của doanh nghiệp. Để có thể thành công trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh, thực hiện tốt công tác kế toán nói chung và

công tác kế toán thuế nói riêng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp. Các số liệu liên quan đến thuế, tình hình nộp thuế có thể cho biết được thực trạng, quy mô, hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó xác định được vị thế của doanh nghiệp đối với các chủ đầu tư và đối tác kinh tế. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay khi nền kinh tế nước ta hiện nay từng bước hội nhập kinh doanh thế giới Nhà nước có những thay đổi với chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách về thuế, chế độ kế toán. Cùng với những thay đổi đó công tác kế toán ở doanh nghiệp cũng phải được tổ chức cho phù hợp.

Từ những nguyên nhân, đòi hỏi mang tính khách quan của nền kinh tế đặt ra, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất phát huy đầy đủ vai trò cung cấp thông tin cho việc điều hành, quản lý, SXKD, cần thiết phải cải tiến, đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán .

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của DN.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

Nói tóm lại trên đây là những yêu cầu được đặt ra trước hết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng, dưới đây em xin đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á căn cứ vào những yêu cầu đó.

3.2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT nhằm giải quyết những sai sót trong công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thương Mại Đông Á.

Căn cứ vào những nhận xét về những ưu điểm và nhược điểm của công ty TNHH Thương Mại Đông Á đã nêu ở trên, em xin có một số đề xuất như sau:

Kiến nghị về kiểm tra chứng từ, sổ sách của doanh nghiệp.

Cuối mỗi kỳ kế toán nhân viên kế toán nên kiểm tra lại hệ thống chứng từ, sổ sách của doanh nghiệp để bổ sung đầy đủ chữ ký của những người trách nhiệm có liên quan. Một số Phiếu thu tiền bán hàng và phiếu chi tiền khi mua hàng của các tháng trong năm chưa được đánh số. Vậy kế toán nên kiểm tra lại để bổ sung tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra sau này.

***Kiến nghị về lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn:**

Trong quá trình lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn do hiểu sai về khái niệm hủy hóa đơn và xóa bỏ hóa đơn nên kế toán công ty đã lập sai

Biểu 3.1. Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HOÁ ĐƠN

Quý.....năm.....

1. Tên tổ chức (cá nhân):.....

2. Mã số thuế:.....

3. Địa chỉ:

Đơn vị tính: Số

STT	Tên hóa đơn	Ký hiệu mẫu	Hình thức hóa đơn	Số lượng tồn đầu kỳ	Số lượng mua, phát hành trong kỳ	Sử dụng trong kỳ					Tồn cuối kỳ	Ghi chú
						Sử dụng	Xóa bỏ	Mất	Hủy	Cộng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trên đây là đúng sự thật, nếu có gì sai trái, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)

Công ty phải phân biệt rõ giữa hủy hóa đơn và xóa bỏ hóa đơn:

Xóa bỏ hóa đơn : Hóa đơn lập sai chưa xé khỏi cuống thì gạch chéo.

Hủy hóa đơn : Hóa đơn lập sai nhưng đã giao cho khách hàng. Khi khách hàng trả lại thì 2 bên phải làm biên bản hủy hóa đơn

Biên bản hủy hóa đơn như mẫu sau:

Biểu 3.2. Biên bản hủy hóa đơn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

BIÊN BẢN HỦY HOÁ ĐƠN

- Căn cứ vào hợp đồng ngày tháng ... năm ký giữa Công ty và Công ty về việc mua bán

- Căn cứ vào thực trạng hoá đơn GTGT số ngày .../.../.... mà Công ty đã cấp cho Công ty

- Hôm nay, ngày ... tháng ... năm Tại Trụ sở Công ty, Số nhà..... Chúng tôi gồm có:

BÊN A:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông/Bà :, Chức vụ:, làm đại diện

BÊN B:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông (Bà):, Chức vụ:, làm đại diện

- Hai bên cùng nhau xác nhận việc hủy bỏ hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... mà Công ty đã cấp cho Công ty

1/ Lý do hủy bỏ hoá đơn.

- Do đơn giá ghi trên hoá đơn không đúng theo như hợp đồng đã ký giữa hai bên, và khối lượng còn thiếu.

2/ Cam kết.

- Công ty và Công ty cam kết không sử dụng hoá đơn GTGT số ngày .../.../.... trong việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Công ty cam kết không kê khai thuế GTGT đầu vào của hoá đơn số của Công ty, Nếu có sự sai trái trong việc kê khai thuế của hoá đơn trên, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm

- Liên 2 của hoá đơn số được hoàn trả lại cho Công ty

Biên bản được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

*** Kiến nghị về nộp tờ khai qua mạng**

Công ty nên nộp tờ khai thuế qua mạng sẽ đem lại một số lợi ích sau :

-Không giới hạn số lần gửi 1 tờ khai, khi doanh nghiệp kê khai sai và vẫn còn hạn nộp tờ khai, doanh nghiệp có thể gửi tờ khai thay thế với số lần gửi thay thế không hạn chế trước 24h ngày cuối cùng nộp tờ khai vẫn không bị tính nộp chậm. Xét về không gian và thời gian cũng không giới hạn, DN có thể khai thuế qua mạng khi ở cơ quan, đang đi du lịch, đang về quê cùng gia đình, đang đi công tác đột xuất...; hay gửi tờ khai vào tất cả các ngày kể cả ngày lễ, tết, thứ 7, chủ nhật và có thể gửi vào bất kỳ thời gian nào trong ngày từ 0h00 đến 24h00.

tiết kiệm chi phí về thời gian, in tờ khai hay chi phí đi lại cho doanh nghiệp.

-Người đại diện doanh nghiệp vẫn có thể tự ký chữ ký số và khai thuế thông qua mạng internet hoặc có thể uỷ quyền quản lý chữ ký số cho người được tin cậy để ký và nộp tờ khai

-Những thông tin và số liệu khai thuế của doanh nghiệp gửi đến cơ quan thuế một cách nhanh chóng, chính xác và đảm bảo, không sai sót, nhằm lẫn do phần mềm hỗ trợ kê khai thuế đã hỗ trợ tính toán, kiểm tra lỗi không có ý khi khai thuế.

-Đối với cơ quan thuế, khai thuế qua mạng là một nội dung quan trọng đối với công tác cải cách và hiện đại hóa ngành thuế. Đây là giải pháp nhằm giảm tình trạng quá tải, áp lực cho các cơ quan thuế mỗi khi đến kỳ hạn nộp hồ sơ khai thuế. Giảm thời gian, nhân lực tiếp nhận tờ khai, đặc biệt là giảm rất nhiều chi phí cho việc lưu trữ hồ sơ khai thuế cũng như tìm kiếm thông tin.

*** Kiến nghị về lập chỉ tiêu Mã số [37] [38] trên tờ khai thuế GTGT.**

Chỉ tiêu [37] [38] trên tờ khai thuế GTGT là điều chỉnh tăng, giảm Thuế GTGT của các kỳ trước. Trong thực tế, Công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hóa đơn đầu vào và hóa đơn đầu ra. Việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hóa đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Số kê khai đầu vào được khấu trừ thì có thể được ghi vào chỉ tiêu [37], [38] trên tờ kê khai. Còn với hóa đơn đầu ra không được phép kê khai điều chỉnh vào 2 chỉ tiêu trên mà phải làm các tờ khai điều chỉnh theo mẫu biểu 01/KHBS .

*** Kiến nghị lập hóa đơn khi hàng giảm giá**

Công ty nên lập hóa đơn theo dõi hàng giảm giá lại để tránh sai sót trong công tác hạch toán kế toán thuế GTGT.

a. Khi hàng giảm giá

VD: Ngày 12/11/2011 theo HĐ GTGT : AA/11P 0089412 . Công ty TNHH Thương Mại Đông Á bán 01 xe ô tô kiamorning cho Công ty CP xây dựng G7. 405.000.000đ. Do xe có một số lỗi trong quá trình vận chuyển. Khách hàng yêu cầu giảm giá. Công ty chấp nhận giảm giá 5%.

Biểu 3.3. Biên bản giảm giá hàng bán

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....

BIÊN BẢN GIẢM GIÁ HÀNG BÁN

- Căn cứ vào hợp đồng ngày 12 tháng 11 năm 2011 ký giữa Công ty TNHH Thương Mại Đông Á và Công ty Cổ phần xây dựng G7 về việc mua bán 01 xe kiamorning màu trắng
- Căn cứ vào thực trạng hoá đơn GTGT số 0089412 ngày 12/11/2011 mà Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đã cấp cho Công ty Cổ phần xây dựng G7
- Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2011 Tại Trụ sở Công ty TNHH Thương Mại Đông Á, Chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công ty TNHH Thương Mại Đông Á

Địa chỉ : số 51 Lương Khánh Thiện – NQ – HP

Mã số thuế : 0200639795

Do Ông/Bà : Ngô Ngọc Bằng Xuân., Chức vụ : TrgP.hành chính - Đại diện

BÊN B: Công ty CP Xây dựng G7

Địa chỉ : số 48 Phố Đại An – Hà Đông – Hà Nội

Mã số thuế : 0103157652

Do Ông (Bà): Đặng Xuân Minh, Chức vụ: TrgP.hành chính - Đại diện

- Hai bên cùng nhau xác nhận việc giảm giá xe kiamorning theo hoá đơn GTGT số 0089412 ngày 12/11/2011 mà Công ty TNHH Thương Mại Đông Á đã bán cho Công ty CP xây dựng G7

1/ Lý do giảm giá hàng bán

- Do xe có một số lỗi trong quá trình vận chuyển đã gây ra.

2/ Cam kết.

- Công ty TNHH Thương Mại Đông Á và Công ty CP xây dựng G7 cam kết giảm giá 5% cho xe kiamorning mới 100% màu trắng theo hóa đơn 0089412 - Công ty TNHH Thương Mại Đông Á cam kết sẽ trừ số giảm giá vào số tiền công nợ phải thu của Công ty CP xây dựng G7. Nếu có gì sai sót, Công ty TNHH Thương Mại Đông Á hoàn toàn chịu trách nhiệm

Biên bản được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 3.4. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> Ngày 15 tháng 11 năm 2011			Mẫu số: 01GTKT3/001 AA/11P Số: 0089413		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Đông Á					
Địa chỉ: Số 51A Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: 0200639795					
Họ tên người mua hàng: Đặng Xuân Minh					
Tên đơn vị: Công ty CP Xây Dựng G7					
Địa chỉ: Số 48 phố Đại An – Phường Vạn Xuân – Hà Đông – HN					
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MS: 0103157652					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giảm giá xe kiamorning slx theo HĐ GTGT 0089412, Giảm giá 5% theo yêu cầu của KH	Chiếc	1	18.409.091	18.409.091
Cộng tiền hàng:					18.409.091
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.840.909
Tổng cộng tiền thanh toán:					20.250.000
Số tiền bằng chữ: <i>Hai mươi triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KẾT LUẬN

Có thể nói từ khi thành lập cho đến nay công ty TNHH TM Đông Á đã có được những bước đi vững chắc, thuận lợi đạt hiệu quả cao được thể hiện ở những thành tích mà công ty đã đóng góp cho xã hội. Hiện nay đóng góp vào ngân sách nhà nước của công ty ngày càng tăng và công ty được đánh giá là một trong những doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Công ty TNHH Thương Mại Đông Á là Công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, nghiệp vụ phát sinh trong tháng, quý...không nhiều tuy nhiên Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phân hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty và của bộ tài chính.

Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế. Nhận thức được phần nào tầm quan trọng đó của thuế GTGT, Công ty đã đưa vào áp dụng ngay các hoá đơn, chứng từ liên quan đến thuế GTGT tại Công ty phần lớn đều hợp lý, hợp lệ và xử lý linh hoạt. Từ đó các Tờ khai thuế GTGT, các Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, các Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra được lập và gửi đến cơ quan thuế đầy đủ và đúng thời hạn.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế, sai sót trong việc hạch toán kế toán thuế GTGT như nhầm lẫn kê khai giữa hủy hóa đơn và xóa bỏ hóa đơn, vẫn còn nộp tờ khai thuế theo phương thức trực tiếp dẫn tới mất thời gian, chi phí và kém hiệu quả. Kê khai điều chỉnh tăng giảm thuế GTGT trong kì còn nhầm lẫn, chưa lập và quản lý các hóa đơn hàng giảm giá và hàng bán bị trả lại....Do những hạn chế trên ảnh hưởng không nhỏ tới công tác kế toán thuế GTGT vì vậy trong thời gian tới công ty nên có nhiều biện pháp khắc phục sai sót như lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, bắt đầu nộp tờ khai thuế qua mạng sẽ mang lại nhiều hiệu quả, chú ý trong việc điều chỉnh, kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu ra, tránh bỏ sót và nhầm lẫn, lập hóa đơn khi hàng giảm giá và trả lại hàng bán....

Trên cơ sở lý luận cũng như kiến thức thực tế của mình em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị trên để Công ty có thể xem xét hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty nói riêng và công tác kế toán nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính – Hướng dẫn thực hiện kê khai, nộp, quyết toán, miễn giảm, hoàn, khiếu nại, tố cáo, xử phạt, thanh tra, kiểm tra thuế, thủ tục hành chính, chính sách ưu đãi thuế - 2009 –Nhà xuất bản Lao động - Hà Nội.
2. Bộ Tài Chính - Chế độ kế toán doanh nghiệp – Hướng dẫn lập chứng từ kế toán, hướng dẫn ghi sổ kế toán. – Nhà xuất bản Thống kê.
3. Bộ Tài Chính - Những điều cần biết về thuế GTGT – NXB tài chính Hà Nội
4. Hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán của công ty TNHH Thương Mại Đông Á.
5. Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 Ngày 03/06/2008
6. Thông tư 153/2010/TT-BTC của Bộ Tài Chính Ngày 28/09/2010
7. Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính Ngày 31/12/2001
8. Và một số tài liệu trên các trang website:
 - <http://www.atheeah.com/luan-van/Mot-so-kien-nghi-hoan-thien-cong-tac-ke-toan-thue-GTGT-trong-doanh-nghiep-thuong-mai-va-cong-tac-quan-ly-thue-cua-Nha-nuoc-tai-Vie-148268>
 - <http://www.atheeah.com/luan-van/Hoan-thien-cong-tac-ke-toan-thue-GTGT-tai-cong-ty-co-phan-thuong-mai-Ha-Lan-124524>
 - <http://docs.4share.vn/docs/12847/Hoan-thien-ke-toan-nghiep-vu-thue-GTGT-tai-Cong-ty-CP-DTPT-Nha-va-Do-thi-Bac-Giang.html>
 - http://khodetai.com/Hoan-thien-cong-tac-ke-toan-Thue-GTGT-tai-Cong-ty-Co-phan-Dinh-gia-va-Tu-van-dau-tu-Quoc-Te_c_64426.html

